

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Giấy CNĐKKD số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 và cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30/09/2016

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
(Đăng ký niêm yết số: 239/QĐ-SGDHCM do SGDCK Tp.HCM cấp ngày 05/07/2017)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 11 – Đường Ngô Văn Trị, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274) 3838 333 – 389 77 66 Fax: (0274) 3827 738

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP.HCM

Địa chỉ: Lầu 1 và Lầu 7, 70 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3820 0751 Fax: (028) 3820 0771

PHU TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Dương Anh Thư

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Điện thoại: (0274) 3838 333 – 389 77 66

Fax: (0274) 3827 738

CTCP NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Giấy CNĐKKD số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 và cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30/09/2016

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

(Đăng ký niêm yết số: 239/QĐ-SGDHCM do SGDCK Tp.HCM cấp ngày 05/07/2017)

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước Môi trường Bình Dương
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	BWE
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	150.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá:	1.500.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP.HCM (VCBS)

Địa chỉ: Lầu 1 và Lầu 7, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3820 0751 Fax: (028) 3820 0771

Website: www.vCBS.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3824 1990 Fax: (024) 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1.	Rủi ro kinh tế.....	1
2.	Rủi ro về luật pháp	2
3.	Rủi ro đặc thù	2
4.	Các rủi ro khác	3
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG CHÍNH BẢN CÁO BẠCH	4
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	5
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	6
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
1.1.	Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết	6
1.2.	Lịch sử hình thành và phát triển	7
1.3.	Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty.....	9
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty	9
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	9
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	11
4.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 08/06/2017... 11	
4.2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại ngày 08/06/2017..... 12	
4.3.	Cơ cấu cổ đông tại ngày 08/06/2017	12
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	13
5.1.	Danh sách những Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	13
5.2.	Danh sách những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	14
6.	Hoạt động kinh doanh	14
6.1.	Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty.....	14
6.2.	Nguyên vật liệu	15
6.3.	Chi phí sản xuất.....	16
6.4.	Trình độ công nghệ.....	18
6.5.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	18
6.6.	Tình hình kiểm tra chất lượng nước và dịch vụ cung cấp nước	19
6.7.	Hoạt động marketing	19
6.8.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	19
6.8.1.	Logo công ty.....	20

6.8.2.	Phát minh sáng chế và bản quyền:	20
6.9.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	20
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	21
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai năm gần nhất và quý gần nhất	21
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	22
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	24
9.	Chính sách đối với người lao động	25
9.1.	Số lượng người lao động trong công ty	25
9.2.	Chính sách tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng và chế độ chính sách	25
10.	Chính sách cổ tức	26
11.	Tình hình hoạt động tài chính	26
11.1.	Ý kiến kiểm toán viên tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và Báo cáo tài chính kiểm toán hai giai đoạn năm 2016	27
11.2.	Các chỉ tiêu cơ bản	29
11.2.1.	Chuẩn mực kế toán áp dụng	29
11.2.2.	Trích khấu hao tài sản cố định	29
11.2.3.	Mức lương bình quân của Công ty	30
11.2.4.	Thanh toán các khoản nợ đến hạn	30
11.2.5.	Các khoản phải nộp theo luật định	30
11.2.6.	Trích lập các quỹ theo luật định	31
11.2.7.	Tổng dư nợ vay	31
11.2.8.	Tình hình công nợ hiện nay	33
11.3.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	34
12.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	37
12.1.	Hội đồng quản trị	38
12.2.	Ban Giám đốc; Kế toán trưởng và Trưởng phòng Tài chính kế toán	46
12.3.	Ban kiểm soát	50
13.	Tài sản	54
4.1	Tài sản cố định	54
4.2	Đất đai	54
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	58
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	61
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết	62
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	62
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	63
1.	Loại chứng khoán	63

2.	Mệnh giá.....	63
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết:	63
4.	Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	63
5.	Phương pháp tính giá.....	65
5.1	Giá theo phương pháp giá trị sổ sách	65
5.2	Giá theo phương pháp so sánh	65
5.3	Giá cổ phiếu theo giá đấu thành công khi chào bán lần đầu ra công chúng để cổ phần hóa	68
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	68
7.	Các loại thuế có liên quan	69
7.1	Thuế đối với Công ty.....	69
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	71
VII.	PHỤ LỤC	72

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 08/06/2017	12
Bảng 2: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại ngày 08/06/2017	12
Bảng 3: Cơ cấu tổng doanh thu qua các năm	14
Bảng 4: Cơ cấu chi phí sản xuất qua các năm	17
Bảng 5: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh	21
Bảng 6: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/05/2017	25
Bảng 7: Kế hoạch trả cổ tức trong 3 năm tới	26
Bảng 8: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30
Bảng 9: Trích lập các quỹ của Công ty	31
Bảng 10: Cơ cấu nợ vay của Công ty	31
Bảng 11: Các khoản phải thu	33
Bảng 12: Các khoản phải trả	34
Bảng 13: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	35
Bảng 14: Danh sách HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, BKS	37
Bảng 15: Giá trị TSCĐ chủ yếu tại thời điểm 31/12/2016	54
Bảng 16: Danh sách các lô đất Công ty đang quản lý và sử dụng	55
Bảng 17: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	58

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là *i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát* và *iii) tỷ lệ lãi suất*. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Sản phẩm chính của Công ty là nước sạch. Đây là mặt hàng khá đặc biệt vì nhu cầu ít biến động khi nền kinh tế bị suy thoái và sẽ tăng nhanh khi nền kinh tế phục hồi, tốc độ đô thị hóa cao.

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
GDP (%)	8,44	6,23	5,32	6,78	5,89	5,03	5,42	5,98	6,68	6,21

Giai đoạn 2008–2009 và 2011–2014 là những năm thăng trầm của nền kinh tế Việt Nam, hàng loạt các ngành đều tăng trưởng chậm, thậm chí có ngành tăng trưởng âm, riêng ngành cấp nước vẫn giữ vững tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận. Sang năm 2015, nền kinh tế Việt Nam dần lấy lại đà hồi phục, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2015 và 2016 lần lượt là 6,68% và 6,21%. Dự kiến năm 2017 GDP tiếp tục duy trì ở mức 6,1 – 6,5%. Tốc độ này sẽ tăng trưởng ổn định trong các năm tiếp theo. Sự phát triển lạc quan của nền kinh tế chắc chắn sẽ có ảnh hưởng tích cực, thúc đẩy sự phát triển riêng của ngành cấp nước. Xét một cách tổng thể, có thể nhận định rằng rủi ro về tăng trưởng kinh tế không phải là rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.2. Tỷ lệ lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Tỷ lệ lạm phát cao giai đoạn 2008–2011 đã ảnh hưởng tiêu cực rõ nét đến nền kinh tế Việt Nam. Trong thời gian qua, chính phủ đã thực thi hiệu quả chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định vĩ mô, đồng thời tiếp tục khẳng định sẽ duy trì chính sách trong giai đoạn 2016–2020.

Dự báo trong năm 2017, Chính phủ vẫn có thấy khả năng kiểm soát và đảm bảo mục tiêu lạm phát cả năm dưới 5%. Mặc dù Chính Phủ đã có các chính sách giảm tỷ lệ lạm phát các năm sau này, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam vẫn có thể biến động nhiều và Công ty không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không chịu các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai. Nếu lạm phát tại Việt Nam tăng cao đáng kể, chi phí, bao gồm cả chi phí nguyên – nhiên liệu, chi phí trả lương người lao động, chi phí bảo trì và chi phí quản lý khác... chắc chắn sẽ tăng. Khi

đó, nếu Công ty không thể chuyển giá thành và chi phí tăng này sang khách hàng, thì các chi phí đó sẽ có ảnh hưởng khá đáng kể đến kết quả hoạt động của Công ty

1.3. Lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Không phải bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng đều có một lượng vốn đủ lớn để tiến hành tổ chức sản xuất kinh doanh mà phần lớn đều phải huy động thêm từ các nguồn bên ngoài, trong đó một kênh phổ biến là thông qua vay vốn và chịu lãi suất sử dụng vốn vay. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Lãi suất được dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp do chính sách và động thái của NHNN. Công ty chủ yếu sử dụng các khoản vay từ các ngân hàng trong và ngoài nước để thực hiện đầu tư các dự án mới cũng như tài trợ vốn lưu động. Do hoạt động trong ngành nghề đặc thù nên Công ty được tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi với lãi suất thấp. Tuy vậy, Công ty vẫn luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng các khoản vay từ ngân hàng nên rủi ro lãi suất cũng được Công ty kiểm soát và hạn chế đáng kể.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty cổ phần đại chúng, hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty. Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên khả năng còn nhiều sửa đổi, bổ sung có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về giá bán

Giá bán sản phẩm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình doanh thu và lợi nhuận hoạt động. Vì ngành nghề đặc thù nên giá bán nước sạch cũng như đơn giá xử lý rác sinh hoạt của Công ty do UBND tỉnh Bình Dương quyết định, trong khi đó các nguyên, nhiên, vật liệu.... đầu vào của Công ty liên tục tăng nên yếu tố ảnh hưởng tới giá thành nước tăng, sẽ mất nhiều thời gian từ khi cần điều chỉnh giá bán nước sạch do các giai đoạn lập và trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế hoạt động của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty.

3.2. Rủi ro về tỷ lệ thất thoát nước

Tỷ lệ thất thoát nước luôn là một trong những quan tâm hàng đầu của các công ty cung cấp nước sạch vì nó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trước đây, tỷ lệ thất thoát nước sạch của tỉnh Bình Dương nói riêng và nước ta nói chung là cao đáng báo động so với trong khu vực cũng như trên thế giới. Thời gian qua, thông qua việc triển khai cùng

với Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch giai đoạn 2011 – 2016 tầm nhìn đến năm 2025, Công ty đã chủ động xây dựng lộ trình giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch, với các giải pháp cụ thể và đã có những hiệu quả rõ rệt. Tuy nhiên với ý thức rủi ro thất thoát vẫn luôn hiện diện, Công ty luôn duy trì các biện pháp hiệu quả thời gian qua để giảm tỷ lệ thất thoát ở mức thấp nhất.

3.3 Rủi ro liên quan đến việc quản lý chất lượng nước cung cấp

Khi chất lượng nước nguồn có dấu hiệu bị suy giảm, để xử lý đạt tiêu chuẩn nước sạch của Việt Nam và tiêu chuẩn của WHO, Công ty phải tăng cường hóa chất xử lý làm tăng chi phí dẫn đến giá thành sản phẩm tăng và giảm lợi nhuận còn lại của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

Các thiết bị máy móc phục vụ công tác sản xuất nước luôn được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và được đầu tư có tính đến các yếu tố dự phòng rủi ro. Khi xảy ra trường hợp hư hỏng sẽ tiến hành bổ sung thay thế kịp thời, tránh làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước cho khách hàng. Ngoài ra, do sản phẩm nước sạch và rác thải là các lĩnh vực công ích, môi trường, phục vụ an sinh xã hội nên quá trình hoạt động, sản xuất cung cấp nước sạch cần thiết đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh cấp nước cũng như đảm bảo tính liên tục và lưu lượng nước cấp. Do vậy, Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã trang bị hệ thống quản lý SCADA để theo dõi thường xuyên, liên tục tình trạng của các trang thiết bị sử dụng cũng như việc truyền tải nước đến từng khách hàng và kịp thời xử lý, ngoài ra để đảm bảo cấp nước được liên tục 24/24, toàn bộ hệ thống cấp nước của Công ty cũng đã được nối mạng liên thông, hỗ trợ bổ sung cho nhau khi mạng lưới cung cấp nước gặp sự cố.

3.4 Rủi ro công tác quyết toán sau khi cổ phần hóa

Hiện tại Công ty đang hoàn tất báo cáo quyết toán cổ phần hoá để trình UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt. Giai đoạn quyết toán từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 31/12/2014 và thời điểm Công ty chính thức hoạt động theo loại hình Công ty Cổ phần là 01/10/2016 do đó số liệu báo cáo tài chính năm 2016 có thể thay đổi sau khi quyết toán. Công ty kiểm toán đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 – 2016 và có ý kiến chấp thuận toàn phần theo quy định. Việc quyết toán sau khi cổ phần hóa không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Các rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai (bão, lũ...), địch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng. Các rủi ro bất khả kháng khi xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty và thường gây ra các tổn thất lớn. Khả năng xảy ra những rủi ro này thấp nhưng Công ty luôn quan tâm và có các biện pháp phòng tránh cũng như giảm thiểu thiệt hại khi có rủi ro.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG CHÍNH BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức niêm yết****CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Ông Nguyễn Văn Thiên	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Chiến Công	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Dương Anh Thư	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trần Tấn Đức	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP.HCM**

Đại diện theo pháp luật:	Ông Tông Minh Tuấn
Chức vụ:	Giám đốc Chi nhánh

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương cung cấp.

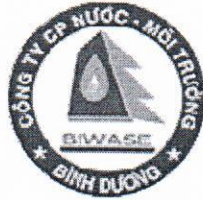
III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

BKS	:	Ban kiểm soát
Biwase	:	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
BCTC	:	Báo cáo tài chính
Công ty	:	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CTCP	:	Công ty cổ phần
DTT	:	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
NMN	:	Nhà máy nước
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
TSCĐ	:	Tài sản cố định
UBND	:	Ủy ban nhân dân
XNCN	:	Xí nghiệp cấp nước
VCBS	:	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết**

Tên công ty: Công ty Cổ phần Nước – Môi Trường Bình Dương
Tên tiếng Anh: Binh Duong Water Environment Joint Stock Company
Tên viết tắt : BIWASE
Vốn điều lệ đăng ký: 1.500.000.000.000 đồng
(Một nghìn năm trăm tỷ đồng)
Vốn thực góp thực góp:
(Một nghìn năm trăm tỷ đồng)
Người đại diện theo pháp luật: **Ông Nguyễn Văn Thiện** – Chủ tịch HĐQT
Trụ sở chính: Số 11 – Đường Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (0274) 3838 333 – 389 77 66
Fax: (0274) 3827 738
Website: www.biwase.com.vn
Logo:



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/02/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30/09/2016.

❖

:

- Thi công xây dựng, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước;
- Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại và không độc hại;
- Sản xuất nước khoáng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Đầu tư, khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất;
- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn vật tư ngành nước;
- Dịch vụ nạo vét cống rãnh, bể phốt, hút hầm cầu, rửa đường;
- Bán buôn hoa và cây;
- Sản xuất phân compost;

- Và một số ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Giai đoạn 1975 – 1991:

- Trước năm 1975: tên tiền thân Công ty là "Trung Tâm Cấp Thủy Bình Dương" với 5 trạm bơm nước ngầm: Công An, Ngô Quyền, Cầu Ông Đảnh, Yersin I và Gò Đậu I.
- Tháng 5/1975: đổi tên thành Nhà Máy Nước Thủ Dầu Một – trực thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Sông Bé, xây dựng thêm một số trạm bơm mới như: Bến Bắc, Nam Sanh, Phú Hòa, Tinh Đội, Hoàng Hoa Thám, Kiểm Lâm, Phú Thuận, Mũi Tàu, Trung Vương, Ngô Chí Quốc, Yersin II, Cầu ông Đảnh II, Gò Đậu II với tổng công suất 5.000m³/ngày đêm, nhiệm vụ chủ yếu là cấp nước sạch cho nhân dân khu vực nội ô thị xã. Số lượng khách hàng khoảng 2.000 hộ tiêu thụ bao gồm cơ quan và nhân dân.
- Năm 1979: đổi tên thành "Xí nghiệp điện nước nhà ở và công trình công cộng" trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Sông Bé

Giai đoạn 1991 – 2000:

- Năm 1991: đổi tên thành "Xí nghiệp Cấp nước Sông Bé".
- Ngày 15/10/1992: Xí nghiệp cấp nước Sông Bé có quyết định thành lập doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ sản xuất, phân phối nước sạch và thi công lắp đặt các công trình chuyên ngành cấp nước. Doanh nghiệp được hạch toán độc lập, có con dấu riêng và chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé. Tiếp tục khai thác và quản lý các trạm bơm nước ngầm. Công suất đạt 5.000m³/ngày đêm, cung cấp cho khoảng 5.000 hộ dân chủ yếu khu vực nội ô.
- Năm 1995: nhà máy nước mặt đầu tiên – NMN Thủ Dầu Một đi vào hoạt động với công suất 7.500 m³/ngày đêm, một số giếng nước ngầm không còn sử dụng được dùng để dự phòng.
- Năm 1996: Xí nghiệp Cấp nước Sông Bé đổi tên thành “Công ty Cấp nước Sông Bé”.
- Ngày 13/06/1997: Công ty Cấp Thoát Nước Bình Dương ra đời sau nhiều lần đổi tên cho phù hợp với tính chất hoạt động sản xuất kinh doanh. Là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, công ty chịu sự chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Dương trực thuộc Sở Xây dựng quản lý Nhà nước theo ngành nghề kinh tế kỹ thuật. Tại thời điểm này công suất được nâng lên là 21.600 m³/ngày đêm.

Giai đoạn 2000 – 2010:

- Ngày 21/12/2005, thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp, UBND tỉnh Bình Dương có quyết định chuyển tên Công ty Cấp Thoát Nước Bình Dương thành Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước – Môi Trường Bình Dương (BIWASE)
- Đây là giai đoạn phát triển mạnh mẽ và đa dạng ngành nghề, trong giai đoạn này Công ty quyết định thành lập 08 xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp cấp nước Thủ Dầu Một, Xí nghiệp cấp nước Dĩ An, Xí nghiệp cấp nước Khu liên hợp, Xí nghiệp Xử lý rác thải, Xí nghiệp Tư vấn cấp thoát nước, Xí nghiệp Xây lắp, Xí nghiệp Quản lý khai thác Thủy Lợi, Xí nghiệp Công trình Đô thị và 03 Ban quản lý Dự án đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển các loại hình dịch vụ của công ty nói riêng và tỉnh Bình Dương nói chung. Chức năng, nhiệm vụ chính:

kinh doanh trong các lĩnh vực cấp và thoát nước đô thị; quản lý và khai thác thủy lợi; thu gom và xử lý chất thải – nước thải; tư vấn thiết kế, lập dự toán, dự án các công trình cấp thoát nước; kinh doanh dịch vụ chuyên ngành. Doanh thu tăng trưởng hàng năm khoảng 20%.

- Tổng số lao động: 768 người
- Công suất cấp nước sạch: 150.000 m³/ngày đêm, cung cấp cho trên 55.000 khách hàng.
- Lượng rác tiếp nhận và xử lý: 400 tấn/ngày

Giai đoạn 2010 – 2014:

- Đầu tháng 06/2010, theo chủ trương của UBND tỉnh Bình Dương, Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương được chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu về vốn cho Tổng công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp TNHH Một thành viên (Becamex IDC) cho đến nay.
- Tiếp tục trên đà phát triển, Công ty thành lập thêm 02 xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp cấp nước Tân Uyên (2011) và Xí nghiệp Xử lý nước thải Thủ Dầu Một (2012) đưa tổng số đơn vị trực thuộc lên 10 Xí nghiệp, 02 Nhà máy nước, 12 phòng – ban và trung tâm.
- Tổng số lao động: 955 người (2014)
- Công suất cấp nước sạch trên 200.000 m³/ngày đêm, cung cấp cho trên 118.000 khách hàng.
- Lượng rác tiếp nhận và xử lý: 1.000 tấn/ngày
- Doanh thu hàng năm của công ty tăng trưởng từ khoảng 15%, nguồn thu từ sản xuất kinh doanh nước sạch chiếm trên 80%.
- Đây được xem là giai đoạn tập trung cho nhiệm vụ đầu tư xây dựng Dự án Cải thiện Môi trường nước Nam Bình Dương đưa nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt đầu tiên của tỉnh đi vào hoạt động.

Giai đoạn Cổ phần hóa:

- Quyết định số 4295/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Môi trường Bình Dương;
- Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Môi trường Bình Dương thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV (Becamex IDC);
- Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 26/02/2015 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Môi trường Bình Dương;
- Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương;
- Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phương thức bán và số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương;
- Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 03/06/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương;

- Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 01/07/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương;
- Ngày 10/08/2016, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương đã tổ chức thành công cuộc đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với số lượng cổ phần đưa ra đấu giá là 17.634.200 cổ phần, số lượng cổ phần trúng đấu giá là 17.634.200 cổ phần, giá đấu thành công cao nhất là 17.600 đồng/cổ phần, giá đấu thành công thấp nhất là 13.300 đồng/cổ phần, giá đấu thành công bình quân 14.277 đồng/cổ phần.
- Ngày 22/09/2016, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần.

Các thành tựu đã đạt được trong quá trình hoạt động của Công ty:

- Huân chương lao động hạng ba của Chủ tịch nước ngày 29/06/2005 do đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2000 đến 2004, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- Bằng khen của Thủ tướng ngày 08/12/2010 do đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2007 đến 2009, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc
- Huân chương Lao động hạng nhì của Chủ tịch nước ngày 09/10/2012 do đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2007 đến 2011, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- Huân chương lao động hạng nhất của Chủ tịch nước ngày 30/3/2016 do đã có thành tích xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- Bằng khen của Bộ Xây dựng ngày 26/10/2015 do đã có thành tích xuất sắc trong việc đóng góp vào sự phát triển của ngành xây dựng giai đoạn 2010–2015;
- Quyết định v/v tặng Cờ thi đua của Chủ tịch tỉnh Bình Dương ngày 12/04/2013 – Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua Khối các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh;
- Và nhiều bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương khen tặng.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

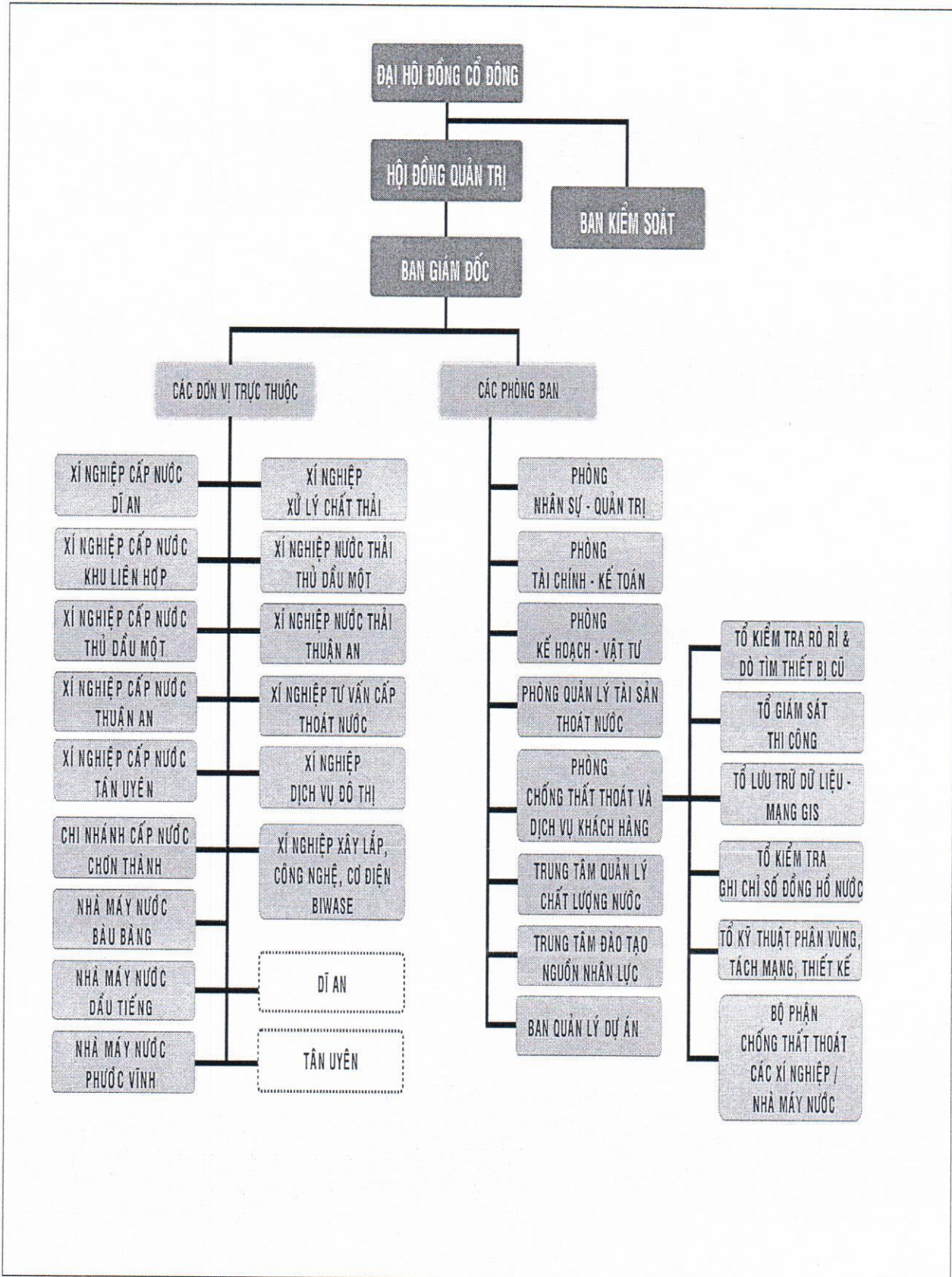
Từ lúc trở thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30/09/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp với mức vốn điều lệ là 1.500.000.000.000 đồng, Công ty chưa tiến hành tăng vốn điều lệ và vốn điều lệ vẫn giữ nguyên ở mức 1.500.000.000.000 đồng cho đến thời điểm niêm yết.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty được ĐHĐCĐ thông qua vào ngày 22/09/2016 và Điều lệ sửa đổi lần 1 ngày 24/05/2017.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương



Nguồn: Công ty Cổ phần Nước – Môi Trường Bình Dương

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Công ty có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị được điều chỉnh bởi các chuẩn mực cao nhất về quản trị, điều hành doanh nghiệp và chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các cổ đông.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát chịu trách nhiệm về việc giám sát tình hình hoạt động, quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao phó.

Giám đốc

Giám đốc lãnh đạo và chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế/quy định của công ty và các quy định của pháp luật khác có liên quan, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao phó.

Phó Giám đốc

Phó giám đốc được Giám đốc phân công chỉ đạo, xử lý các công việc trong từng lĩnh vực. Phó giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước Pháp luật về các quyết định có liên quan đến việc thực hiện các công việc được Giám đốc phân công và ủy quyền.

Các phòng ban:

Các phòng chức năng của Công ty tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

Các đơn vị trực thuộc:

Hoạt động của các đơn vị trực thuộc được thực hiện theo các nhiệm vụ của Công ty giao là hoạt động Sản xuất kinh doanh nước, Xây lắp, Xử lý rác, Dịch vụ đô thị...

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông**4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 08/06/2017**

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 08/06/2017

STT	Tên cổ đông	Số GCNĐKKD/ Giấy phép thành lập	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV (Becamex IDC)	3700145020	230 Đại Lộ Bình Dương – thành phố Thủ Dầu Một – tỉnh Bình Dương	76.500.000	51,00%
2	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	3702226772	Số 7 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TDM, Bình Dương	52.500.000	35,00%
Tổng cộng				129.000.000	86,00%

Nguồn: Danh sách người sở hữu chứng khoán của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương chốt tại ngày 08/06/2017.

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại ngày 08/06/2017

Theo quy định của Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ về việc hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp thì “Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoặc từ công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập từ công ty cổ phần khác không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập”.

Do Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Môi trường Bình Dương nên Biwase không có cổ đông sáng lập.

4.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 08/06/2017

Bảng 2: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại ngày 08/06/2017

Stt	Họ và tên	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ %
I	Cổ đông trong nước	830	150.000.000	100,0%
1	Tổ chức	7	141.650.000	94,4%
2	Cá nhân	823	8.350.000	5,6%

Stt	Họ và tên	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ %
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0,0%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,0%
Tổng cộng		830	150.000.000	100,0%

Nguồn: Danh sách người sở hữu chứng khoán của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương chốt tại ngày 08/06/2017

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Danh sách những Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

- Tên công ty: Tổng Công Ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC)
- Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: (274) 3822655 – Fax: (274) 3822713
- Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Đầu tư, kinh doanh các khu dân cư và khu đô thị, dịch vụ nhà ở công nhân; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông; Thực hiện, kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT (xây dựng – kinh doanh – chuyển giao); Khai thác đá và các loại khoáng sản khác; Sản xuất và chế biến nguyên liệu cho ngành công nghiệp cao su, vật liệu xây dựng; Kinh doanh thương mại, dịch vụ xuất nhập khẩu; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp trong và ngoài nước; Hoạt động tài chính, ngân hàng và thị trường chứng khoán; Hoạt động trong các lĩnh vực y tế, giáo dục; Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm và vật tư y tế...
- Vốn điều lệ đăng ký: 8.500 tỷ đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 8.500 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty mẹ tại Biwase: 76.500.000 cổ phần, tương ứng chiếm 51% vốn điều lệ của Biwase.
- Tỷ lệ góp vốn thực tế của Công ty mẹ tại Biwase: 76.500.000 cổ phần, tương ứng chiếm 51% vốn điều lệ của Biwase.

5.2. Danh sách những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp. Biwase hiện đang quản lý vận hành các hệ thống cấp nước và nhà máy nước với tổng công suất hơn 200.000 m³/ngày đêm gồm:

- Xí nghiệp cấp nước Dĩ An, công suất cấp nước hiện tại: 90.000 m³/ngày đêm
- Xí nghiệp cấp nước Khu liên hợp, công suất cấp nước hiện tại: 90.000 m³/ngày đêm
- Xí nghiệp cấp nước Thủ Dầu Một, công suất cấp nước hiện tại: 21.600 m³/ngày đêm
- Xí nghiệp cấp nước Tân Uyên, công suất cấp nước hiện tại: 12.000 m³/ngày đêm
- Nhà máy nước Dầu Tiếng, công suất cấp nước hiện tại: 2.000 m³/ngày đêm
- Nhà máy nước Phước Vĩnh, công suất cấp nước hiện tại: 1.200 m³/ngày đêm
- Nhà máy nước Bàu Bàng, công suất cấp nước hiện tại: 1.000 m³/ngày đêm

Sản lượng nước sạch sản xuất và tiêu thụ qua các năm của Biwase qua các năm như sau:

Năm	Sản lượng sản xuất (m ³)	Sản lượng tiêu thụ (m ³)
Năm 2012	62.798.478	56.791.577
Năm 2013	74.394.351	66.476.152
Năm 2014	80.908.752	73.570.643
Năm 2015	91.250.613	82.621.479
Năm 2016	106.797.536	98.055.896

Nguồn: CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

Bảng 3: Cơ cấu tổng doanh thu qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2015		01/01/2016 – 30/09/2016		01/01/2016 – 31/12/2016		Quý I năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng/ Tổng DT	Giá trị	Tỷ trọng/ Tổng DT	Giá trị	Tỷ trọng/ Tổng DT	Giá trị	Tỷ trọng/ Tổng DT
Doanh thu bán hàng	905.568	74,6%	715.983	72,1%	255.825	67,5%	253.884	74,3%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	271.903	22,4%	268.542	27,1%	119.427	31,5%	77.441	22,6%
Doanh thu hợp đồng xây dựng	35.720	2,9%	8.197	0,8%	4.006	1,1%	10.521	3,1%
Tổng cộng	1.213.190	100,0%	992.722	100,0%	379.258	100,0%	341.846	100,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; và BCTC Quý I năm 2017 tự lập của Công ty

Đóng góp chính vào doanh thu mỗi năm bình quân khoảng 72,7% là doanh thu bán hàng, trong đó chủ yếu là doanh thu cung cấp nước sạch (chiếm khoảng trên 97% tổng doanh thu bán hàng và quá nửa tổng doanh thu cả năm mỗi năm).

Tiếp đến là doanh thu cung cấp dịch vụ, chủ yếu là xử lý rác thải với tỷ trọng bình quân vào tổng doanh thu khoảng 22% giai đoạn các năm vừa qua.

Doanh thu hợp đồng xây dựng phần lớn đến từ việc nhượng vật tư, các công trình, xây lắp. Mạng kinh doanh này và một số mạng kinh doanh khác đóng góp tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty.

6.2. Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu chính của sản phẩm nước sạch do Công ty cung cấp là nước thô khai thác từ sông ngòi tự nhiên và nước ngầm. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các nguyên vật liệu và hóa chất sử dụng khác như điện, phèn, vôi, clor và các vật liệu phụ để xử lý nước đạt tiêu chuẩn cấp nước trước khi hòa vào mạng nước sạch cung cấp cho người dân. Nguồn nước thô của Công ty chủ yếu được khai thác từ nước sông tự nhiên như nước Sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, Suối Giai – thị trấn Phước Vĩnh.

Tổng lượng nước sản xuất năm 2016 của Công ty đạt: 106.797.536 m³ tương đương 272.377 m³/ngày đêm, nước tiêu thụ năm 2016 đạt: 98.055.896 m³ tương đương 282.533 m³/ngày đêm.

Lưu lượng nước nguồn (nước mặt sông Đồng Nai và Sài Gòn, hồ thủy lợi Phước Hòa), hiện tại được đánh giá là trữ lượng khá dồi dào và chất lượng ổn định, riêng nguồn nước thô từ Hồ thủy lợi Phước Hòa đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp phép khai thác với lưu lượng 15 m³/s, tương đương 1,2 triệu m³/ngày đêm. Sản lượng nước tiêu thụ hàng năm của Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương nhìn chung cũng bị ảnh hưởng bởi yếu tố mùa, cụ thể: thông thường vào mùa mưa lượng nước sử dụng sẽ thấp hơn so với mùa nắng và có xu hướng tăng cao vào dịp Tết nguyên đán hàng năm (do nhu cầu vệ sinh nhà cửa nhân dịp năm mới).

Ngoài nguồn nguyên liệu chính là nước từ sông tự nhiên, Công ty còn có nguồn nguyên liệu khác là rác thải từ toàn bộ rác thải phát sinh trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Tổng lượng rác tiếp nhận và xử lý rác năm 2016 đạt: 618.270 tấn, trung bình 1.693 tấn/ngày. Lượng rác phát sinh trên địa bàn tỉnh Bình Dương cũng có xu hướng ngày càng tăng cao theo tốc độ đô thị hóa nhanh của tỉnh, đặc biệt tăng đột biến vào những dịp Lễ, Tết.

Sự ổn định của các nguồn cung cấp này

Do nguồn nguyên vật liệu chính được khai thác từ tự nhiên từ Sông Đồng Nai và Sài Gòn, nên nhìn chung nguồn nước thô là nguyên liệu đầu vào của Công ty tương đối ổn định, trữ lượng dồi dào.

Đối với nguồn nguyên liệu là rác thải có xu hướng ngày càng tăng theo tốc độ đô thị hóa của tỉnh Bình Dương

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Mặc dù nguồn nước đầu vào có trữ lượng dồi dào, tuy nhiên cũng còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên như: nồng độ các chất có trong nước, cũng như tình hình khí hậu hàng năm (khô hạn, bão...) sẽ ảnh hưởng đến lưu lượng, chất lượng nước của sông. Do vậy sẽ ảnh hưởng đến sản lượng nước và chất lượng nước khai thác của Công ty.

Để xử lý ra nước sạch thành phẩm đạt tiêu chuẩn, nước thô thông qua các công đoạn cùng với quy trình công nghệ xử lý nghiêm ngặt với các nguyên nhiên vật liệu sử dụng chủ yếu như điện, hóa chất như: vôi, phèn, clor... lượng nước trước khi xuất xưởng đều được kiểm tra chất lượng kỹ lưỡng. Như vậy, khi giá cả nguyên vật liệu cần thiết sử dụng trong quá trình xử lý nước sạch có biến động lớn trong khi giá bán nước sạch chưa kịp điều chỉnh (do đặc điểm ngành nghề đặc thù, giá bán nước sạch của Công ty do UBND tỉnh Bình Dương quy định, quá trình xây dựng và trình phương án trình giá nước sạch cần phải trình thông qua nhiều sở ban ngành, mất nhiều thời gian) sẽ ảnh hưởng đáng kể, làm giá thành xử lý tăng và làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 4: Cơ cấu chi phí sản xuất qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		01/01/2016 – 30/09/2016		01/10/2016 – 31/12/2016		Quý I năm 2017	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	801.018	66,0%	626.128	63,2%	239.165	63,1%	209.833	61,4%
Chi phí bán hàng	130.947	10,8%	142.314	14,4%	51.975	13,7%	49.431	14,5%
Chi phí quản lý	58.403	4,8%	52.315	5,3%	24.306	6,4%	13.851	4,1%
Chi phí tài chính	86.100	7,1%	65.447	6,6%	54.442	14,4%	14.104	4,1%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	82.234	6,8%	59.040	6,0%	20.003	5,3%	10.345	3,0%
Tổng cộng	1.076.468	88,7%	886.204	89,4%	369.888	97,5%	287.219	84,1%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; và BCTC Quý I năm 2017 tự lập của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

Nhìn chung, chi phí còn chiếm tỷ trọng cao trên doanh thu thuần và có xu hướng tăng trong giai đoạn vừa qua. Tổng chi phí chiếm khoảng 90,2% năm 2015 – 2016 so với tổng doanh thu. Tính chung cả năm 2016 chi phí tăng khoảng 16,7% so với năm 2015. Tính đến hết quý 1 năm 2017 tổng chi phí đạt hơn 287,2 tỷ đồng, tương ứng chiếm 84,1% tổng doanh thu.

Do nguồn nguyên liệu đầu vào chính của Công ty là nước từ các sông ngoài tự nhiên nên giá vốn của Công ty ở mức tương đối ổn định, không có biến động quá lớn qua từng năm, bình quân đạt khoảng 64,6% giai đoạn 2015 – 2016. Trong 3 tháng đầu năm 2017, giá vốn chiếm 61,4% tổng doanh thu thuần.

Bên cạnh đó, do đặc thù sản xuất kinh doanh nước sạch và cung cấp cho các hộ dân trên địa bàn tỉnh Bình Dương cũng như thu gom xử lý rác thải, nên Công ty không tốn nhiều chi phí cho việc bán hàng, tỷ lệ bình quân trên tổng doanh thu thuần giai đoạn 2 năm trước niêm yết chiếm khoảng 12,5%.

Với biện pháp tiết giảm chi phí, khoản mục chi phí quản trị của Công ty chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng chi phí (khoảng 5,8%), và chiếm một tỷ trọng khiêm tốn trong tổng doanh thu thuần với mức bình quân giai đoạn 2015 – 2016 đạt khoảng 5,2%, và 4,1% cho 3 tháng đầu năm 2017.

Về chi phí tài chính, nhìn chung Công ty được hưởng lãi suất khá tốt từ các ngân hàng trên địa bàn tỉnh, mặt khác với việc kiểm soát chặt chẽ, chi phí tài chính giai đoạn vừa qua của Công ty cũng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, bình quân khoảng 7,9% trên tổng doanh thu.

Để cải thiện và kiểm soát các chi phí một cách chặt chẽ và hiệu quả hơn nữa, Ban lãnh đạo Công ty đã tăng cường áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng vào hoạt động sản xuất kinh doanh

của mình như xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khách hàng, đầu tư trang thiết bị nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước vô hình và hữu hình.

6.4. Trình độ công nghệ

Quy trình khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch được thực hiện qua nhiều công đoạn, hầu hết các nhà máy cấp nước hiện đang áp dụng theo dây chuyền lắng lọc nhanh bằng vật liệu cát và than.

Công nghệ áp dụng trong xử lý rác thải hiện công ty đang áp dụng là công nghệ xử lý thành phân compost của Phần Lan, đây là công nghệ tiên tiến nhằm xử lý triệt để chất thải phát sinh thành sản phẩm phân bón có ích cho xã hội và môi trường, và theo đánh giá đây là công nghệ xử lý tiên tiến, đứng hàng đầu ở Việt Nam.

Toàn bộ các nhà máy xử lý nước cấp, xử lý nước thải sinh hoạt, xử lý rác thải đều được quản lý bằng hệ thống SCADA. Đây là một trong những phần mềm ứng dụng giảm bớt lao động con người, kịp thời hỗ trợ trong việc phát hiện sự cố về vận hành, bảo dưỡng của hệ thống giúp doanh nghiệp có biện pháp khắc phục nhanh chóng, giúp nâng cao hiệu quả trong công tác vận hành, bảo dưỡng.

Trong lĩnh vực cấp nước, Công ty là một trong những đơn vị tiên phong về công nghệ xử lý nước bằng việc ứng dụng những thiết bị tiên tiến như biến tần, đồng hồ điện tử, van điều áp thông minh, đồng hồ cấp C cho hộ gia đình v.v.

Công ty hiện đang ứng dụng phương thức quản trị doanh nghiệp từ xa, ứng dụng hệ thống quản lý nội bộ bằng các loại phần mềm ứng dụng do chính đội ngũ chuyên môn của Công ty lập trình và sẵn sàng nhận chuyển giao công nghệ cho các đơn vị bạn.

Công ty đã thành lập Trung tâm đào tạo nghề và nâng cao nguồn nhân lực từ năm 2008. Trung tâm này còn liên kết với trường Đại học xây dựng miền Tây, Đại học Thủ Dầu Một, trường Cao đẳng kỹ thuật Bình Dương trong việc nhận đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề phục vụ cho lĩnh vực nước và môi trường.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công tác đào tạo, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới luôn được lãnh đạo công ty quan tâm chỉ đạo thực hiện. Ngoài việc học tập, ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào thực tiễn tại đơn vị góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm phục vụ, sản phẩm nước sạch được cung cấp liên tục 24/24 giờ/ngày và áp lực đạt theo yêu cầu. Hàng năm, công tác thực hiện đầu tư mở rộng và cải tạo mạng lưới phân phối nhằm đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu cấp nước đều được triển khai thực hiện.

Ngoài ra, Công ty cũng cố gắng kiểm tra nhằm hạn chế tỷ lệ thất thoát nước trong quá trình cung cấp nước. Hiện nay tỷ lệ thất thoát nước của Công ty hiện còn khoảng 7% giảm mạnh so với mức trước đây là 37,2% vào năm 2002.

Như vậy, ngoài việc luôn nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ CBCVN cũng như việc ứng dụng công nghệ phù hợp để thực hiện giữ ổn định và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ hiện cung cấp chính của công ty như nước sạch, thì tại lĩnh vực xử lý chất thải, ngoài nhiệm vụ chủ yếu về xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp, nhằm xử lý triệt để không ảnh hưởng đến môi trường, cũng như sử dụng tốt nguồn nguyên liệu sẵn có, Công ty cũng đã nghiên

cứu cho ra thị trường các sản phẩm xanh tái chế từ rác như: sản phẩm phân bón con voi, gạch con voi, các sản phẩm bê tông tươi, gạch tự chèn... cung cấp cho các dự án, công trình xây dựng trong và ngoài tỉnh. Ngoài ra, công nghệ sử dụng khí bioga phát sinh từ quá trình phân hủy rác để làm nguyên liệu kết hợp phát điện làm giảm chi phí điện năng sử dụng trong phạm vi nhà máy xử lý rác cũng đã được thực hiện thành công.

Về lĩnh vực hoạt động nước đóng chai, gần đây sản phẩm nước đóng chai hiệu Ion GOLD... với các thành phần dinh dưỡng đáp ứng tốt hơn cho sức khỏe cũng được đưa ra thị trường tiêu thụ. Nhìn chung các sản phẩm này của công ty bước đầu đã được người tiêu dùng đón nhận và tin cậy sử dụng.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng nước và dịch vụ cung cấp nước

Công ty không ngừng nâng cao công tác quản lý doanh nghiệp, giảm thất thoát nước đến mức thấp nhất nên giá cả dịch vụ cấp nước của Công ty luôn ở mức cạnh tranh trong khu vực kinh tế trọng điểm phía nam.

Do nước sạch là sản phẩm thiết yếu và mang tính chất an sinh xã hội, nên quá trình quản lý, vận hành sản xuất tại nhà máy đến khâu truyền tải, phân phối đến từng khách hàng sử dụng đều được kiểm tra kỹ lưỡng với tần suất kiểm tra phù hợp quy định, quy chuẩn vệ sinh và cấp nước an toàn. Hiện Công ty đang áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng để góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp như hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và hệ thống quản lý môi trường – BS EN ISO 14001:2004/Cor1:2009.

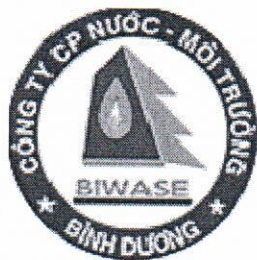
Ngoài ra, bộ phận chuyên tiếp nhận thông tin phản ánh từ khách hàng với thời gian làm việc 24/24 giờ (phòng 24 giờ) cũng đã được thành lập để đáp ứng tốt hơn công tác dịch vụ khách hàng của Công ty.

6.7. Hoạt động marketing

Mỗi thành viên của công ty luôn ý thức nâng cao thương hiệu của doanh nghiệp thông qua phong cách làm việc cũng như cung cách phục vụ khách hàng hàng ngày của mình. Ngoài ra, nhằm nâng cao hình ảnh của công ty nói riêng cũng như tỉnh Bình Dương nói chung, hàng năm giải đua xe đạp nữ quốc tế BIWASE cũng đều đặn được công ty tổ chức nhân ngày quốc tế phụ nữ 8/3 cũng đã trở thành một hoạt động mang tính định kỳ thường xuyên. Ngoài ra, Công ty thường xuyên duy trì các chương trình và hoạt động xã hội ý nghĩa như tặng quà cho gia đình chính sách, trẻ em khuyết tật, tặng quà cho bộ đội biên phòng, xây tặng nhà tình thương, tình nghĩa... cũng như tích cực tham gia ngày hội hiến máu nhân đạo, chiến dịch mùa hè xanh... Qua đó, Công ty vừa nâng cao hình ảnh doanh nghiệp, qua đó thúc đẩy quá trình tiếp cận những sản phẩm đến khách hàng được thuận lợi hơn, đồng thời đây cũng là phần trách nhiệm của công ty đối với xã hội và cộng đồng.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

6.8.1. Logo công ty



6.8.2. Phát minh sáng chế và bản quyền:

Đã được đăng ký nhãn hiệu số 116623 cấp theo quyết định số 27185/QĐ-SHTT ngày 23/12/2018 của Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa Học Và Công Nghệ cấp.

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Đối tác	Giá trị (đ/tháng)	Ngày ký hợp đồng	Hiệu lực	Nội dung hợp đồng
1	Công ty cổ phần cấp nước An Điền (KCN Rạch bấp)	77.779.200	20/04/2017	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch
2	Công ty TNHH giày Vĩnh Nghĩa	190.800.000	24/11/2015	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch
3	Công ty TNHH PANKO VINA	597.600.000	02/01/2013	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch
4	Công ty TNHH ZENG HSING INDUSTRIAL	57.000.000	12/03/2014	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch
5	Công ty TNHH WASHIN ALUMINUM VIỆT NAM	114.000.000	19/05/2014	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch
6	CN CP Tôn Đông Á TDM	142.500.000	20/05/2014	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch
7	Công ty TNHH Công nghiệp Dệt HUGE – BAMBOO	249.000.000	25/10/2012	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch
8	Công ty TNHH ASENDAS PROREADE	7.632.000.000	17/10/2011	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch

Nguồn: CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai năm gần nhất và quý gần nhất

Bảng 5: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	01/01/2016 – 30/09/2016	01/10/2016 – 31/12/2016	Năm 2016(*)	% Tăng giảm	Quý 1 – 2017
1	Tổng giá trị tài sản	7.140.429	8.088.701	8.724.765	8.724.765	22,2%	8.807.032
2	Vốn chủ sở hữu	2.656.105	2.699.917	2.860.695	2.860.695	16,6%	3.001.052
3	Doanh thu thuần	1.213.190	990.901	379.258	1.370.159	12,9%	341.560
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	189.847	225.877	23.791	249.667	31,5%	57.118
5	Lợi nhuận khác	2.749	21.878	4.486	26.364	859,0%	2.185
6	Lợi nhuận trước thuế	192.597	247.755	28.277	276.032	43,3%	59.303
7	Lợi nhuận sau thuế	170.593	215.005	25.830	240.835	41,2%	52.890
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	N/A	N/A	N/A	N/A	–	N/A
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	N/A	N/A	N/A	9,0%**		

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; và BCTC Quý 1 năm 2017 tự lập của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

Ghi chú:

- (*) Năm 2016: Các số liệu thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên đây được VCBS cộng dồn 2 giai đoạn gồm kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty

TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương và kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

- Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 30/09/2016, do đó tại năm 2015, Công ty vẫn đang hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên, chỉ tiêu tỷ lệ lợi nhuận chi trả cổ tức của giai đoạn này không tính toán.
- (**) Chỉ số ROE năm 2016 được tính bằng cách lấy tổng lợi nhuận sau thuế của 2 kỳ kế toán trong năm 2016 chia cho trung bình của vốn chủ sở hữu ở 4 thời điểm là 01/01/2016, 30/09/2016, 01/10/2016 và 31/12/2016.

Tại thời điểm 31/12/2016, tổng tài sản của Công ty đạt khoảng 8.724,8 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 22,2% so với cùng kỳ năm 2015. Nguyên nhân chính là sự gia tăng các khoản mục trong cơ cấu tài sản dài hạn. Tính đến 31/03/2017, tổng tài sản của Công ty đạt hơn 8.807,0 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 nhìn chung khả quan hơn so với năm 2015. Cụ thể, tổng doanh thu thuần trong năm 2016 tăng 12,9%, chủ yếu đến từ gia tăng mảng bán nước sạch. Ngoài ra, trong năm 2016, Công ty ghi nhận khoản mục vật tư nhập thừa từ các xí nghiệp, ban quản lý dự án với số tiền khoảng 14,2 tỷ đồng, nên khoản doanh thu khác và lợi nhuận khác tăng đáng kể (lần lượt +107,3%, +859,0% so với năm 2015). Tổng kết năm 2016 Công ty ghi nhận khoảng 276,0 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế và 240,8 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế; tương ứng với mức tăng lần lượt là 43,3% và 41,2%.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục được duy trì tương đối ổn định trong ba tháng đầu năm 2017 khi doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 341,6 tỷ đồng và 59,3 tỷ đồng, tương ứng đạt 25,6 % kế hoạch doanh thu và 67,6% kế hoạch lợi nhuận của cả năm 2017.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

❖ Thuận lợi

Ban lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.

Biwase đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp nước như: xây dựng hệ thống cấp nước và phát triển mạng cấp nước, quản lý tốt các hệ thống cấp nước có trang bị thiết bị tiên tiến của thế giới, giảm tỷ lệ thất thoát nước. Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật có kinh nghiệm trong việc quản lý các dự án vay vốn ODA từ khâu đàm phán, lựa chọn các nhà thầu nước ngoài tham gia thực hiện nhiệm vụ tư vấn, cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình.

Các dự án đầu tư có nguồn vốn lớn như đầu tư mở rộng các nhà máy nước, hệ thống cấp nước, nhà xưởng, máy móc thiết bị.. của Công ty được vay từ nguồn vốn ODA và vay nguồn vốn đối ứng từ các tổ chức tín dụng trong nước để đầu tư.

Bên cạnh đó, ngoài nguồn vốn ODA, Công ty còn có thể huy động vốn từ nguồn Xã hội hoá để đầu tư những công trình đầu mối góp phần giải quyết nhu cầu vốn cho việc đầu tư mới.

❖ **Khó khăn**

Giá bán nước sạch của Công ty do UBND tỉnh Bình Dương quyết định, trong khi đó các nguyên, nhiên, vật liệu... đầu vào của Công ty liên tục tăng nên yếu tố ảnh hưởng tới giá thành nước tăng sẽ mất nhiều thời gian từ khi cần điều chỉnh giá bán nước sạch do các giai đoạn lập và trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế giá bán nước sạch của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty.

Địa bàn các khu dân cư của tỉnh Bình Dương nằm trên phạm vi rộng lớn, thiếu tập trung, trong khi đó Công ty đang gặp khó khăn về nguồn vốn đầu tư, do vậy để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của dân cư cần có sự hỗ trợ vốn từ ngân sách Nhà nước cho các thành phố, thị xã và các huyện để phát triển hệ thống cấp nước.

Các trạm cấp nước nông thôn sau khi được công ty tiếp nhận đều được tập trung đổi mới, thay nguồn nước cấp từ nước ngầm sang nước mặt, đầu tư, cải tạo mạng lưới cấp nước cũng như thay đổi những đồng hồ khách hàng để việc đo đếm có độ chính xác cao và thực hiện những biện pháp để giảm lượng thất thoát nước khá cao, từ đó làm phát sinh chi phí đầu tư tăng cao trong khi giá nước vẫn áp dụng theo mức trợ giá cho người tiêu thụ khu vực nông thôn.

Việc đầu tư phục vụ cung cấp sản phẩm công ích thông thường đòi hỏi chi phí khá cao, doanh nghiệp phải huy động nhiều nguồn vốn khác nhau, trong đó cần thiết là các nguồn vốn ODA vì thuận lợi về lãi suất ưu đãi, thời gian ân hạn và trả nợ vay dài, giảm bớt gánh nặng cho doanh nghiệp. Tuy nhiên hiện tại chưa có lộ trình điều chỉnh giá của các sản phẩm phục vụ công ích phù hợp, do đó chưa thể đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của các tổ chức bố trí vốn ODA cũng là khó khăn cho công ty trong quá trình tiếp cận với các nguồn vốn ODA và việc tìm nguồn vốn ODA ngày càng khó khăn.

Nhìn chung, chất lượng nguồn nước ngày càng có xu hướng giảm sút do ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hoá cũng như ảnh hưởng chất thải sinh hoạt do ý thức của người dân về môi trường chưa cao, tại một số khu vực công nghiệp phát triển nhanh nguồn nước ngầm cũng đã xuất hiện dấu hiệu ô nhiễm và hạ thấp như khu vực Lái Thiêu, Vĩnh Phú – Thuận An... từ đó làm chi phí xử lý nước ngày càng tăng cao, ảnh hưởng đến giá thành sản xuất nước.

Để khuyến khích khách hàng sử dụng nước sạch, công ty cũng đã thực hiện nhiều hình thức để phục vụ khách hàng tốt hơn, tuy nhiên một số doanh nghiệp lại có thái độ không hợp tác ngược lại có nhu cầu cấp phép khoan giếng nước ngầm làm ảnh hưởng đến chất lượng và lưu lượng nguồn tài nguyên nước ngầm ngày càng có dấu hiệu sụt giảm. Các cụm sản xuất công nghiệp khác có đăng ký sử dụng nước nhưng chỉ thực hiện mang tính đối phó, thực tế sử dụng nước thủy cục rất ít, đa phần là sử dụng nước giếng tự khoan, điều này làm ảnh hưởng đến tiến độ thu hồi vốn đầu tư hệ thống cấp nước của công ty

Đối với các dự án đầu tư có nguồn vốn vay ODA, thì phát sinh chênh lệch tỷ giá ngoại tệ (ngoài sự quản lý điều hành của Công ty).

Đa số CBCNV Công ty có nhiều kinh nghiệm nhưng trình độ chưa đồng đều, cán bộ kỹ thuật được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, còn cần đào tạo bổ sung thêm kiến thức thực tiễn, trình độ quản lý một số nhân viên chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu trong công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ Vị thế của Công ty trong ngành cấp nước sạch

Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương có vốn điều lệ 1.500 tỷ đồng, đang quản lý mạng lưới cấp nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương và không có sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành nghề. Theo số liệu từ Hiệp hội cấp thoát nước Việt Nam, Biwase đứng thứ 3 toàn quốc về công suất cấp nước với 383.000 m³/ngày đêm, với tỷ lệ thất thoát nước khoảng 7% - giảm mạnh so với mức trước đây là 37,2% vào năm 2002, đứng thứ 3 tại khu vực về hiệu quả công suất, sau Singapore (5,5%) và tốt hơn Nhật Bản (8%). Do đó, giá dịch vụ cấp nước của Công ty luôn ở mức cạnh tranh trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

Một số doanh nghiệp cùng ngành với Công ty như sau:

Tên Công ty	Mã CK	VĐL (triệu VND)	DTT 2016 (triệu VND)	ROE	ROA	P/E	P/B
BIWASE	BWE	1.500.000	1.370.159	9,0%	3,0%	N/A	N/A
Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	BTW	93.600	434.754	7,5%	5,3%	18,2	1,1
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	CLW	130.000	976.822	6,8%	3,1%	26,1	1,4
Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai	DNW	1.000.000	895.735	4,6%	2,2%	24,0	1,0
Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định	GDW	95.000	450.586	9,3%	6,0%	11,0	1,0
Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận	NNT	86.914	125.023	19,3%	5,8%	7,8	1,2
Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	NTW	75.000	131.293	10,7%	9,4%	13,4	1,4
Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre	BTU	36.000	55.697	13,5%	10,4%	5,1	0,6
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	SZE	300.000	389.650	12,9%	9,7%	6,7	0,7

❖ Triển vọng của ngành cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của các tỉnh phía Nam, do đó việc kêu gọi đầu tư nước ngoài là rất cần thiết, vì vậy việc xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó có hệ thống cấp nước là cấp thiết và phải được đặt lên hàng đầu.

Nước sạch là mặt hàng thiết yếu cho sinh hoạt và sản xuất, để phát triển kinh tế thì cần phải phát triển hệ thống cấp nước sạch đạt về số lượng và chất lượng.

Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Bình Dương là một trong những địa phương năng động trong kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài. Hiện nay, tỉnh có khoảng 28 khu công nghiệp và

cum công nghiệp tập trung có tổng diện tích hơn 8.700 ha với hơn 1.200 doanh nghiệp trong và ngoài nước đang hoạt động. Nhu cầu sử dụng nước sạch cho dân dụng và công nghiệp nhờ đó cũng gia tăng ngày càng cao.

❖ **Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Dương theo quy hoạch cấp nước, xử lý chất thải, Biwase đã xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch của các trung tâm, các huyện, thị, thành phố của tỉnh. Đảm bảo yêu cầu thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn, góp phần bảo vệ môi trường, giữ được lá cờ đầu về công nghệ trong ngành xử lý chất thải. Định hướng của Công ty hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh Bình Dương đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với tốc độ đô thị hóa và triển vọng phát triển của ngành trong thời gian tới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong công ty

Tính đến thời điểm 31/05/2017, tổng số lao động của Công ty là 1.014 người. Cơ cấu lao động của Công ty được phân loại như sau:

Bảng 6: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/05/2017

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo giới tính	1.014	100,0%
1	Nam	787	77,6%
2	Nữ	227	22,4%
II	Phân loại theo trình độ	1.014	100,0%
1	Trình độ đại học và trên đại học	204	20,1%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	282	27,8%
3	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	528	52,1%

Nguồn: CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

9.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng và chế độ chính sách

Công ty xây dựng phương án phát triển nguồn nhân lực dài hạn với nội dung chủ yếu sau:

❖ **Chính sách tuyển dụng**

Việc tuyển dụng phải thỏa mãn mục tiêu, yêu cầu kế hoạch phát triển kinh doanh ngắn và chiến lược dài hơi của công ty, được thực hiện theo từng thời điểm cụ thể và theo kế hoạch hàng năm. Nhân sự được tuyển dụng không chỉ nhằm đáp ứng được yêu cầu công việc hiện tại mà còn là

nhân tố phát triển trong tương lai. Trong quá trình công tác, yếu tố luôn sẵn sàng nâng cao trình độ đáp ứng tốt hơn nhu cầu công việc và nâng cao năng suất lao động luôn được chú trọng.

❖ Chính sách đào tạo

Nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, phát huy tiềm năng, lợi thế vốn có của Công ty, Công ty đã đặt ra chính sách đào tạo nhân sự, tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân lao động ra sức học tập để nâng cao trình độ trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ quản lý, nâng cao tay nghề, lý luận nhận thức, đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của Công ty.

❖ Chính sách lương, thưởng và chế độ chính sách

Chính sách đãi ngộ người lao động của Công ty luôn được quan tâm hàng đầu, Công ty luôn chú trọng tới việc rà soát và điều chỉnh với mục tiêu phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ, đảm bảo mức thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên. Căn cứ chức danh công việc, trình độ chuyên môn kỹ thuật, thời gian công tác người lao động được xếp lương cũng như áp dụng chế độ phù hợp theo Quy chế trả lương, trả thưởng và các quy định có liên quan của Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Công ty chi trả cổ tức cho các cổ đông theo kết quả sản xuất kinh doanh, sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Sau khi thanh toán số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Tỷ lệ cổ tức sẽ căn cứ theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Công ty thực hiện chuyển sang công ty cổ phần vào ngày 30/09/2016, nên Công ty chưa thực hiện chia cổ tức cho cổ đông. Kế hoạch chi trả cổ tức trong vòng 03 năm tới của Công ty như sau:

Bảng 7: Kế hoạch trả cổ tức trong 3 năm tới

Năm	Tỷ lệ cổ tức dự kiến (%)	Hình thức thanh toán	Ghi chú
2017	5,0%	Tiền mặt hoặc cổ phiếu	Căn cứ NQ ĐHĐQĐ số 14/NQ-ĐHĐCĐ-HĐQT ngày 24/05/2017
2018	3,5%	Tiền mặt hoặc cổ phiếu	Phương án cổ phần hóa của Công ty năm 2016
2019	4,0%	Tiền mặt hoặc cổ phiếu	Phương án cổ phần hóa của Công ty năm 2016

Nguồn: CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Ý kiến kiểm toán viên tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và Báo cáo tài chính kiểm toán hai giai đoạn năm 2016

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 được đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC) nêu ý kiến về “**Vấn đề cần nhấn mạnh**”. Ở đây, Công ty xin nêu lại nguyên văn ý kiến của đơn vị kiểm toán như sau:

“Vấn đề cần nhấn mạnh

- Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 34 trong Bản thuyết báo cáo tài chính, Công ty không thực hiện ghi nhận chi phí khấu hao của các tài sản liên quan đến hoạt động xử lý nước thải trong năm 2015 do các tài sản này dự kiến sẽ được loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.
- Các thủ tục kiểm toán đã thực hiện chỉ nhằm mục đích đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương mà không bao gồm các thủ tục kiểm toán theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000 – Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành. Do đó, số liệu liên quan đến khoản mục Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và Tài sản cố định trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi sau khi được kiểm tra, kiểm toán theo các quy định của Nhà nước về quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.”

Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 được AASC nêu ý kiến về “**Vấn đề cần nhấn mạnh**”. Nguyên văn ý kiến của đơn vị kiểm toán như sau:

“Vấn đề cần nhấn mạnh

- Các thủ tục kiểm toán đã thực hiện chỉ nhằm mục đích đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương mà không bao gồm các thủ tục kiểm toán theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000 – Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành. Do đó, số liệu liên quan đến khoản mục Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và Tài sản cố định trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi sau khi được kiểm tra, kiểm toán theo các quy định của Nhà nước về quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.
- Như được trình bày tại thuyết minh số 40, kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016 là kỳ kế toán cuối cùng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV. Theo đó, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng có thể không so sánh được với số liệu kỳ này.

Các vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.”

Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 được AASC nêu ý kiến về “**Vấn đề cần nhấn mạnh**”. Nguyên văn ý kiến của đơn vị kiểm toán như sau:

“Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo về các vấn đề sau:

- Các điều chỉnh theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương đã được Công ty thực hiện trong kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016.
- Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty đang hoàn tất báo cáo quyết toán cổ phần hóa để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương thẩm định. Do vậy, số liệu trên Báo cáo tài chính kèm theo có thể thay đổi sau khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt chính thức.
- Các thủ tục kiểm toán đã thực hiện chỉ nhằm mục đích đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương mà không bao gồm các thủ tục kiểm toán theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000 – Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành. Do đó, số liệu liên quan đến khoản mục Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và Tài sản cố định trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi sau khi được kiểm tra, kiểm toán theo các quy định của Nhà nước về quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

Các vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.”

Các ý kiến về “Vấn đề cần nhấn mạnh” nêu trên của AASC đối với việc:

- “...không thực hiện ghi nhận chi phí khấu hao của các tài sản liên quan đến hoạt động xử lý nước thải trong năm 2015...” thì khi thực hiện cổ phần hoá, Công ty cổ phần hoá lĩnh vực cấp nước và xử lý rác thải, riêng lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải Công ty giao về cho địa phương quản lý và không thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp. Thời điểm Công ty xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá là 31/12/2014 nhưng chủ trương khi cổ phần hoá là bàn giao lĩnh vực này cho địa phương nên Công ty không thực hiện trích lập khấu hao các tài sản này trong năm 2015 với giá trị 98,55 tỷ đồng. Việc hạch toán cụ thể sẽ thực hiện điều chỉnh (nếu có) sau khi có quyết định của UBND tỉnh Bình Dương. Đến tháng 12/2015, Công ty có văn bản số 4401/UBND-KTTH ngày 10/12/2015 của UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận về việc loại các tài sản thuộc lĩnh vực xử lý nước thải khi xác định giá trị doanh nghiệp.
- “...số liệu liên quan đến khoản mục Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và Tài sản cố định trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi sau khi được kiểm tra, kiểm toán theo các quy định của Nhà nước về quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành” thì khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2015 có một số công trình từ các năm trước (có giá trị 31,2 tỷ đồng) không phát sinh thêm chi phí trong năm 2015 - 2016, tuy nhiên chưa được Công ty thực hiện nghiệm thu, quyết toán. Hiện nay, các công trình này đều được Công ty tiến hành rà soát, đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc nghiệm thu hoàn thành và ghi tăng Tài sản cố định, trích khấu hao theo quy định trong 09 tháng đầu năm 2016 và 03 tháng cuối năm 2016. Do đó, vấn đề này không làm ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong cả năm 2016.

- "...kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016 là kỳ kế toán cuối cùng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV ...", và "...Công ty đang hoàn tất báo cáo quyết toán cổ phần hóa để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương thẩm định. Do vậy, số liệu trên Báo cáo tài chính kèm theo có thể thay đổi sau khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt chính thức", thì tính đến thời điểm niêm yết Công ty đang hoàn tất báo cáo quyết toán cổ phần hoá để trình UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt. Giai đoạn quyết toán từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 31/12/2014 và thời điểm Công ty chính thức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần là 01/10/2016 do đó số liệu BCTC năm 2016 có thể thay đổi sau khi quyết toán.

Các ý kiến về "**Vấn đề cần nhấn mạnh**" của đơn vị kiểm toán tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 (hai giai đoạn) không làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015 – 2016.

11.2. Các chỉ tiêu cơ bản

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 01/10/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

11.2.1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

11.2.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07-25 năm
- Máy móc, thiết bị	06-08 năm
- Phương tiện vận tải	06- 30 năm
- Thiết bị văn phòng	03-08 năm
- Các tài sản khác	05-13 năm
- Quyền sử dụng đất không có thời hạn	không trích khấu hao
- Quyền sử dụng đất	49 năm

- Bản quyền, bằng sáng chế 02 năm
- Phần mềm quản lý 03 năm

11.2.3. Mức lương bình quân của Công ty

Năm	Năm 2015	Năm 2016
Mức lương bình quân(triệu đồng/người)	10	11

11.2.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ phải trả ngắn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn.

11.2.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ và đúng hạn các khoản phải nộp theo luật định về thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Ưu đãi thuế: Từ năm 2014, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 10% trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động xã hội hóa theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính. Phần thu nhập còn lại áp dụng thuế suất 20%.

Số dư thuế và các khoản phải nộp nhà nước như sau:

Bảng 8:Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	30/09/2016	31/12/2016	31/03/2017
Thuế giá trị gia tăng	1.495	1.356	1	162
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.091	21.778	10.050	3.600
Thuế thu nhập cá nhân	11	47	78	1.419
Thuế tài nguyên	-	-	-	229
Các loại thuế khác	3.432	4.477	3.494	3.494
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.781	25.891	7.580	8.925
Tổng cộng	15.811	53.549	21.204	17.830

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; và BCTC Quý 1 năm 2017 tự lập của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

11.2.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Luật doanh nghiệp và theo Điều lệ Công ty.

Bảng 9: Trích lập các quỹ của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	30/09/2016	31/12/2016	31/03/2017
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24.381	24.918	17.753	(5.907)
Quỹ đầu tư và phát triển	98.089	–	–	–
Tổng cộng	122.470	24.918	17.753	(5.907)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; và BCTC Quý 1 năm 2017 tự lập của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

11.2.7. Tổng dư nợ vay**Bảng 10: Cơ cấu nợ vay của Công ty**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	30/9/2016	31/12/2016	31/03/2017
Vay và nợ ngắn hạn	495.794	656.979	696.864	673.523
Vay và nợ thuê dài hạn	927.045	1.116.171	1.116.534	1.169.783
Tổng cộng	1.422.839	1.773.150	1.813.399	1.843.306

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; và BCTC Quý 1 năm 2017 tự lập của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

Thông tin chi tiết các khoản vay đến thời điểm 31/12/2016

Vay ngắn hạn

Ngân hàng	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	Số dư nợ thời điểm 31/12/2016 (triệu đồng)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN.Bình Dương	VND	6,0%	Tín chấp	150.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN.Bình Dương	VND	5,3%	Tín chấp	24.280
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN.Bình Dương	VND	4,3%–5,3%	Tín chấp	204.780
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN.Bình Dương	VND	6,5%	Quyền đòi nợ	99.539
Quỹ Đầu tư và Phát triển Bình Dương	VND	6,0%	Quyền đòi nợ	55.000
Vay dài hạn đến hạn trả				163.266
Tổng cộng				696.864

Vay dài hạn

Ngân hàng	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	Số dư nợ thời điểm 31/12/2016 (triệu đồng)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN.Bình Dương	VND	6,0%	2026	Tín chấp	292.526
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN.Bình Dương	VND	0,2%	2025	Tín chấp	200.927
Ngân hàng Phát triển Châu Á	VND	LIBOR+0,9%	2037	Tín chấp	166.464
Ngân hàng Thế giới	VND	6,95%	2038	Tín chấp	326.505
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN. Bình Dương	VND	6,8%	2020	Cổ phiếu hình thành từ vốn vay (DNW)	67.200
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN. Bình Dương	VND	8,7%	2020	Cổ phiếu hình thành từ vốn vay (DNW)	47.900
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN. Bình Dương	VND	Thả nổi	2023	Tài sản hình thành từ dự án	55.361
Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương	VND	7,0%	2021	Tài sản hình thành từ dự	117.500

				án	
Quỹ Bảo vệ môi trường Bình Dương	VND	5,4%	2021	Tín chấp	5.417
Tổng cộng					1.279.799
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					163.266
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					1.116.534

11.2.8. Tình hình công nợ hiện nay

❖ Các khoản phải thu

Bảng 11: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	30/09/2016	31/12/2016	31/03/2017
Các khoản phải thu ngắn hạn	525.800	1.117.981	604.788	629.173
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	248.250	216.868	243.867	232.369
Trả trước cho người bán ngắn hạn	151.879	377.579	205.243	228.126
Phải thu về cho vay ngắn hạn	35.110	16.500	16.500	26.500
Các khoản phải thu khác ^(*)	98.027	513.352	149.782	152.778
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.467)	(6.318)	(10.604)	(10.600)
Các khoản phải thu dài hạn	400	7.146	15.496	19.976
Phải thu dài hạn khác	400	7.146	15.496	19.976
Tổng cộng	526.200	1.125.127	620.283	649.149

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; và BCTC Quý 1 năm 2017 tự lập của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

(*) Liên quan đến khoản Phải thu khác thuộc Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến 31/12/2016 Công ty có khoản tạm ứng tiền mua 2.700.000 cổ phần của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Đồng Nai (mã chứng khoán: DNW) cho Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (TDMWater) với số tiền 40,5 tỷ đồng.

Tại BCTC kiểm toán 3 tháng cuối năm 2016, Biwase đã hạch toán đầy đủ quyền lợi, rủi ro liên quan đến số lượng cổ phần nêu trên. Hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục để hoàn tất chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần.

❖ **Các khoản phải trả:**

Bảng 12: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	30/09/2016	31/12/2016	31/03/2017
Nợ ngắn hạn	1.030.805	1.347.736	1.483.166	1.260.646
Phải trả người bán ngắn hạn	228.637	159.486	358.294	673.523
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.824	11.150	9.857	183.653
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.811	53.549	21.204	17.321
Phải trả người lao động	43.441	35.849	32.171	17.830
Chi phí phải trả ngắn hạn	16.661	24.529	34.265	15.738
Phải trả ngắn hạn khác	161.073	341.752	260.113	22.817
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	495.794	656.979	696.864	282.855
Dự phòng phải trả ngắn hạn	37.184	39.524	52.645	52.815
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24.381	24.918	17.753	(5.907)
Nợ dài hạn	3.453.519	4.039.959	4.380.049	4.545.334
Phải trả dài hạn khác	2.526.474	2.923.787	3.263.515	3.375.551
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	927.045	1.116.172	1.116.534	1.169.783
Tổng cộng	4.484.324	5.387.695	5.863.215	5.808.980

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; và BCTC Quý 1 năm 2017 tự lập của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

11.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 13: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	01/01/2016 – 30/09/2016	01/10/2016 – 31/12/2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (*)				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,20	1,34	0,83
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,94	1,12	0,65
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	62,8%	66,6%	67,2%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	168,8%	199,5%	204,9%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần/năm	3,15	3,07	
+ Vòng quay tổng tài sản	lần/năm	0,18	0,17	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,1%	17,6%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	N/A	9,0%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,5%	3,0%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15,6%	18,2%	
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phiếu	N/A	N/A	155

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; và BCTC Quý I năm 2017 tự lập của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; VCBS tính toán

Ghi chú:

- Vòng quay hàng tồn kho được tính bằng cách lấy tổng giá vốn hàng bán của 2 kỳ kế toán trong năm 2016 chia cho trung bình của hàng tồn kho ở 4 thời điểm là 01/01/2016, 30/09/2016, 01/10/2016 và 31/12/2016.
- Vòng quay tổng tài sản được tính bằng cách lấy tổng doanh thu thuần của 2 kỳ kế toán trong năm 2016 chia cho trung bình của tổng tài sản ở 4 thời điểm là 01/01/2016, 30/09/2016, 01/10/2016 và 31/12/2016.
- Các tử số và mẫu số trong các hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần đều được tính toán trên số tổng của 2 kỳ kế toán trong năm 2016.
- Các chỉ số ROE/ROA của năm 2016 được tính bằng cách lấy tổng lợi nhuận sau thuế của 2 kỳ kế toán trong năm 2016 chia cho trung bình của vốn chủ sở hữu/tổng tài sản ở 4 thời điểm là 01/01/2016, 30/09/2016, 01/10/2016 và 31/12/2016.

Qua các chỉ số tài chính đã được tính như trên, có thể cho ta thấy bức tranh tổng quát về tình hình tài chính của Biwase như sau:

- **Về khả năng thanh toán:** hệ số thanh toán của Công ty năm 2016 có sự giảm nhẹ so với năm 2015. Chỉ số thanh toán hiện hành và chỉ số thanh toán nhanh từ mức 1,20 và 0,94 năm 2015 đã lần lượt giảm còn 0,83 và 0,65 vào thời điểm cuối năm 2016.
- **Về cơ cấu vốn:** hệ số nợ của Công ty đạt trung bình 65,5% qua 2 năm. Tỷ trọng nợ trên tổng tài sản có xu hướng tăng nhẹ từ mức 63% năm 2015 đã tăng lên 67% năm 2016. Tuy nhiên cơ cấu nợ của Công ty chủ yếu là các khoản phải trả không lãi suất và các khoản vay với lãi suất ưu đãi nên nhìn chung cơ cấu vốn của Công ty vẫn khá an toàn.
- **Về chỉ số năng lực hoạt động:** chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ từ mức 3,15 năm 2015 xuống còn 3,07 năm 2016. Trong khi đó chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản nhìn chung ổn định qua 2 năm và không có sự thay đổi lớn.
- **Về chỉ tiêu khả năng sinh lời:** Công ty đã có sự cải thiện đáng kể về các khả năng sinh lời. Các chỉ số biên lợi nhuận ròng và biên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh từ mức 14,1% và 15,6% năm 2015 đã tăng lên 17,6% và 18,2% trong năm 2016. Kết quả, hai chỉ số ROA và ROE cũng tăng tương ứng từ mức 2,5% và 7,3% trong năm 2015 lên lần lượt là 3,0% và 9,0% năm 2016. Điều đó có thể kết luận hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng hiệu quả.

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Bảng 14: Danh sách HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, BKS

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
I.	Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Văn Thiên	1957	280687466	Chủ tịch
2	Nguyễn Thanh Phong	1972	024302473	Thành viên
3	Nguyễn Văn Trí	1973	280961641	Thành viên
4	Tạ Trọng Hiệp	1982	273098924	Thành viên
5	Trần Chiến Công	1978	280687490	Thành viên
6	Dương Hoàng Sơn	1965	280337426	Thành viên
7	Nguyễn Thị Thu Vân	1968	280647944	Thành viên
II.	Ban giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT			
1	Trần Chiến Công	1978	280687490	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Thị Thu Vân	1968	280647944	Phó Tổng Giám đốc
3	Dương Hoàng Sơn	1965	280337426	Phó Tổng Giám đốc
4	Ngô Văn Lui	1967	280354953	Phó Tổng Giám đốc
5	Lê Văn Gòn	1959	280999897	Phó Tổng Giám đốc
6	Trần Tấn Đức	1977	280629997	Kế toán trưởng
7	Nguyễn Thị Diên	1965	280350663	Trưởng phòng TCKT
II.	Ban kiểm soát			
1	Dương Anh Thư	1976	280608628	Trưởng ban
2	Nguyễn Hữu Bình	1978	280645250	Thành viên
3	Trần Thị Kim Oanh	1982	280773443	Thành viên

Nguồn: Công ty

12.1. Hội đồng quản trị

12.1.1. Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : NGUYỄN VĂN THIÊN
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 31/12/1957
- Nơi sinh : BÌNH DƯƠNG
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280687466 Cấp ngày: 05/05/2015
Tại: CA.Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : 72/3, KP1 Phường Tân Định– TX.Bến Cát Bình Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ ngành kỹ thuật môi trường
- Quá trình công tác :
 - Từ 1976 – 1977 : Công nhân khảo sát địa hình – Sở Thủy Lợi Sông Bé
 - Từ 1977 – 1979 : Sinh viên trường Trung học Thủy Lợi 3 Mỹ Tho Tiền Giang
 - Từ 1979 – 1990 : Năm 1984: giữ chức vụ phó trưởng phòng Nông Lâm Thủy Lợi Thị xã Thủ Dầu Một
Năm 1985–1986: Ủy viên HĐND thị xã Thủ Dầu Một.
Năm 1987: Phó bí thư chi Bộ Phòng Nông Lâm Thủy Lợi Tx.Thủ Dầu Một
Năm 1985–1989: học đại học Thủy Lợi
 - Từ 1985 – 1989 : Học đại học Thủy Lợi
 - Từ 1990 – 1996 : Phó giám đốc – xí nghiệp Điện nước nhà ở và Công trình công cộng
 - Từ 1996 – 2003 : Bí thư chi bộ công ty cấp nước Sông Bé; chức vụ: Giám Đốc Công ty
 - Từ 2003 – 2006 : Giám Đốc Công ty Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
 - Từ 2006 – 29/09/2016 : Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
 - Từ 30/09/2016 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước– Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước– Môi trường Bình Dương

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa;
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần tái chế Vật liệu xanh;
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Bình Dương;
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 107.500 cổ phần(chiếm 0,072% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : 134.000 cổ phần (chiếm 0,090% vốn điều lệ)

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Thị Ngọc Thanh	Con	130.000	0,087
Nguyễn Ngọc Hồ	Em	4.000	0,003

12.1.2. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : TRẦN CHIẾN CÔNG
- Giới tính : NAM
- Ngày tháng năm sinh : 06/12/1978
- Nơi sinh : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280687490 cấp ngày: 15/05/2015 Tại: CA.Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : Số 20 Ấp kiến An, An Lập, Dầu Tiếng Bình Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác :
Năm 2004 : Nhân viên đội xây lắp công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương

- Từ 2004 – 2006 : Nhân viên tổ xây lắp xí nghiệp cấp nước Dĩ An công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương.
- Từ 03/2006 – 06/2006 : Trưởng phòng kinh doanh xí nghiệp cấp nước Dĩ An
- Từ 2006 – 2008 : Phó Giám đốc XN cấp nước Dĩ An – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
- Từ 2008 – 2015 : Giám đốc XN cấp nước Dĩ an – C ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
- Từ 3/2015 – 08/2016 : Phó Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
- Từ 30/09/2016 đến nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức nhiệm yết : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 215.989 cổ phần (chiếm 0,144% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu cho Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV : 76.500.000 cổ phần (chiếm 51% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

12.1.3. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : DƯƠNG HOÀNG SƠN
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/01/1965
- Nơi sinh : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280337426 cấp ngày: 26/10/2007 Tại: CA.Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : ĐX 68 KP6, P.Đinh Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác :
- Từ 1997 – 2000 : Công nhân vận hành Nhà máy nước Thủ Dầu Một

- Từ 2000 – 2002 : Trưởng Ca sản xuất Nhà máy nước Thủ Dầu Một
- Từ 2002 – 2004 : Quản đốc nhà máy nước Thủ Dầu Một
- Từ 2004 – 2007 : Giám đốc XN cấp nước Dĩ An
- Từ 2007 – 29/09/2016 : Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
- Từ 30/09/2016 đến nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nước– Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện tại tổ chức nhiệm vụ : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân : 21.100 cổ phần (chiếm 0,014% vốn điều lệ)
 - Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : 11.200 cổ phần (chiếm 0,007% vốn điều lệ)

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Thị Diên	Vợ	11.200	0,007

12.1.4. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : NGUYỄN THỊ THU VÂN
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1968
- Nơi sinh : Tiền giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280647944 Cấp ngày: 10/01/2002
Tại: CA.Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tiền giang
- Địa chỉ thường trú : Số 27, Tổ 8, Khu 2 Ngõ Văn Trị Phường Phú Lợi, TDM, Bình Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD
- Quá trình công tác :

- Từ 1990 – 1993 : Nhân viên phòng kinh doanh Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
- Từ 1993 – 2000 : Nhân viên phòng tài vụ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
- Từ 2001 – 2004 : Phó Trưởng phòng kế hoạch vật tư Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
- Từ 2005 – 2006 : Trưởng phòng Quản lý dự án Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
- Từ 2007 – 2011 : Phó ban quản lý dự án cấp nước và vệ sinh Nam thù Dầu một, kiêm trưởng phòng Ban QLDA- Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
- Từ 2011 đến nay : Phó Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước- môi trường Bình Dương
- Từ 30/09/2016 đến nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nước- Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 11.500 cổ phần (chiếm 0,008% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : 5.800 cổ phần (chiếm 0,004% vốn điều lệ)

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Thành Tâm	Em	5.800	0,004

12.1.5. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : NGUYỄN VĂN TRÍ
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/10/1973
- Nơi sinh : Quảng Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280961641

Cấp ngày: 09/11/2010

- Tại:CA.Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Quảng Nam
 - Địa chỉ thường trú : 59/49 Khu 5, Phường Định Hoà, Tp Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng
 - Quá trình công tác :
 Từ 2006 đến nay : Giám Đốc Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Quỳnh Phúc
 Từ 2013 – 2016 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
 Từ 2016 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
 Từ 2014 đến nay : TV HĐQT Công ty CP tái chế Vật liệu xanh
 Từ 30/09/2016 đến nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
 - Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết : Thành viên HĐQT
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Giám Đốc Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Quỳnh Phúc;
 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một;
 TV HĐQT Công ty CP tái chế Vật liệu xanh.
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân : Không
 - Số cổ phần đại diện sở hữu cho Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một : 52.500.000 cổ phần (chiếm 35% vốn điều lệ)
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

12.1.6. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : TẠ TRỌNG HIỆP
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 09/10/1982

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : 52.500.000 cổ phần (chiếm 35,000% vốn điều lệ)

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (TDM)	Ông Nguyễn Thanh Phong là TV HĐQT của TDM	52.500.000	35,000

12.2. Ban Giám đốc; Kế toán trưởng và Trưởng phòng Tài chính kế toán

12.2.1. Tổng Giám đốc:

- Họ và tên : TRẦN CHIẾN CÔNG

Lý lịch đã được trình bày ở mục 12.1.2

12.2.2. Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : DƯƠNG HOÀNG SƠN

Lý lịch đã được trình bày ở mục 12.1.3

12.2.3. Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : NGUYỄN THỊ THU VÂN

Lý lịch đã được trình bày ở mục 12.1.4

12.2.4. Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : NGÔ VĂN LUI
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/09/1967
- Nơi sinh : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280354953
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương

Cấp ngày: 14/03/2015

Tại: CA Bình Dương

- Địa chỉ thường trú : 48 – K9 – Kp 5 – P. Định Hòa – Thủ Dầu Một – Bình Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh
- Quá trình công tác :
 Từ 1988– 1990 : Tổ trưởng tổ bom phòng Nông Lâm Thủy Lợi Thị xã Thủ Dầu Một
 Từ 1990 đến nay : Phó Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
 Từ 30/09/2016 đến nay : Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết : Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 7.700 cổ phần (chiếm 0,005% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

12.2.5. Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : LÊ VĂN GÒN
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 23/10/1959
- Nơi sinh : Quảng Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280999897 Cấp ngày: 08/06/2007
 Tại: CA Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú : 1/8 , khu 2, Phường Phú Lợi – Thủ Dầu Một – Bình Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cấp Thoát Nước

- Quá trình công tác :
 - Từ 1983 – 1985 : Làm việc tại XN Xây Lấp Sông Bé
 - Từ 1986 – 9/1996 : Sở xây dựng Sông Bé
 - Từ 1996 đến nay : Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
 - Từ 30/09/2016 đến nay : Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết : Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 44.800 cổ phần (chiếm 0,030% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

12.2.6. Kế toán trưởng

- Họ và tên : TRẦN TẤN ĐỨC
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/02/1977
- Nơi sinh : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280629997 Cấp ngày: 01/11/2007
Tại: CA.Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : 1398/3, KP6, P.Định Hoà, Tp.TDM, tỉnh Bình Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
 - Từ 2002 – 03/2003 : Nhân viên kế toán Công ty TNHH Xây dựng Điện Miền Nam
 - Từ 01/4/2004 – 02/2005 : Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước – Môi Trường Bình Dương; nhân viên kế toán

- Ban QLDA trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước – Môi Trường Bình Dương
- Từ 02/2005 – 01/2011 : Kế toán trưởng Ban QLDA trực thuộc Công ty TNHH MTV cấp Thoát Nước – Môi Trường Bình Dương.
- Từ 01/2011 – 29/09/2016 : Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV cấp Thoát Nước – Môi Trường Bình Dương.
- Từ 30/09/2016 đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nước– Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết : Kế toán trưởng
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tái chế Vật liệu xanh
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân : 13.600 cổ phần (chiếm 0,008% vốn điều lệ)
 - Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

12.2.7. Trưởng phòng Tài chính kế toán

- Họ và tên : NGUYỄN THỊ DIÊN
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 08/08/1965
- Nơi sinh : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280350663 Cấp ngày: 13/02/2009
Tại: CA.Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : 62 Khu 8 Tổ 107 Hiệp Thành, Bình Dương.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác :
 - Từ 1990 – 2005 : Làm việc tại Công ty TNHH 1TV Cấp thoát Nước - Môi trường Bình Dương
 - Từ 2005 – 2010 : Làm việc tại Ban Quản lý dự án - Cty TNHH 1TV Cấp Thoát Nước - Môi trường BD

- Từ 2010 đến nay : Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương (Nay là Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương)
- Từ tháng 10/2016 đến nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức nhiệm yết : Trưởng phòng Tài chính Kế toán
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân : 11.200 cổ phần (chiếm 0,007% vốn điều lệ)
 - Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : 52.528.100 cổ phần (chiếm 35,019% vốn điều lệ)

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (TDM)	Bà Nguyễn Thị Diên là TV HĐQT của TDM	52.500.000	35,000
Dương Hoàng Sơn	Chồng	21.100	0,014
Nguyễn Văn Sáu	Em	7.000	0,005

12.3. Ban kiểm soát

12.3.1. Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên : DƯƠNG ANH THU
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 27/02/1976
- Nơi sinh : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280608628
Cấp ngày: 15/12/2009
Tại: CA.Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : 0612C KCC Hiệp Thành 3, P.Hiệp Thành, TDM,

Bình Dương.

- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác :
 Từ 1999 – 2005 : Nhân viên phòng tổ chức Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
 Từ 2005 – 2008 : Nhân viên Ban quản lý dự án Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
 Từ 2008 – 2010 : Trưởng phòng kế hoạch vật tư Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
 Từ 2010 – 29/09/2016 : Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
 Từ 30/09/2016 đến nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết : Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Nhân viên Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Cấp thoát nước Anh Huy; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 11.700 cổ phần (chiếm 0,008% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : 52.500.000 cổ phần (chiếm 35,000% vốn điều lệ)

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (TDM)	Bà Dương Anh Thư là Nhân viên của TDM	52.500.000	35,000

12.3.2. Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : NGUYỄN HỮU BÌNH
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 25/04/1978

- Nơi sinh : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280645250 Cấp ngày: 10/09/2010
Tại: CA.Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : 236/1 Nguyễn Văn Tiết, P.Phú Cường, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân QTKD
- Quá trình công tác :
 - Từ 2000 – 2004 : Nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
 - Từ 2004 – 2010 : Kế toán trưởng XN xử lý chất thải Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
 - Từ 2011 – 2013 : Kế toán trưởng XN Cấp nước Dĩ An Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
 - Từ 2013 đến nay : Công tác tại Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
 - Từ 30/09/2016 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : 52.506.400 cổ phần (chiếm 35,004% vốn điều lệ)

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
-----------	-------------	---------------------	-----------

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (TDM)	Ông Nguyễn Hữu Bình là nhân viên của TDM	52.500.000	35,000
Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Vợ	6.400	0,004

12.3.3. Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : TRẦN THỊ KIM OANH
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 25/05/1982
- Nơi sinh : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280773443 Cấp ngày: 14/08/2012
Tại: CA.Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : 17/16 KP2 Đường Lê Chí Dân, P.Tương Bình Hiệp, TP.TDM, Bình Dương.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác :
 - Từ 2003 – 2004 : Kế toán công ty TNHH Phát triển
 - Từ 2004 – 2010 : Kế toán Ban quản lý dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một
 - Từ 2010 đến nay : Kế toán Ban quản lý dự án Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương
 - Từ 30/09/2016 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 6.100 cổ phần (chiếm 0,004% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của : Không những người có liên quan

13. Tài sản

4.1 Tài sản cố định

Giá trị TSCĐ theo BCTC của Công ty chủ yếu tại thời điểm 31/12/2016 như sau:

Bảng 15: Giá trị TSCĐ chủ yếu tại thời điểm 31/12/2016

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại / Nguyên giá
TSCĐ hữu hình	5.513.431	3.630.040	65,8%
Nhà cửa, kiến trúc	1.748.844	1.082.810	61,9%
Máy móc, thiết bị	512.511	256.390	50,0%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.985.965	2.081.607	69,7%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10.950	1.393	12,7%
Cây lâu năm	458	332	72,6%
TSCĐ hữu hình khác	254.703	207.508	81,5%
TSCĐ vô hình	92.540	86.506	93,5%
Quyền sử dụng đất	85.028	84.724	99,6%
Bản quyền, Bằng sáng chế	50	0	0,0%
Phần mềm máy tính	7.217	1.782	24,7%
TSCĐ vô hình khác	245	0	0,0%
Tổng cộng	5.605.971	3.716.546	66,3%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý 1 năm 2017 tự lập của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; VCBS tính toán

4.2 Đất đai

Căn cứ Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương khi cổ phần hóa doanh nghiệp, trong đó Công ty được tiếp tục sử dụng các khu đất đã

được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định với tổng diện tích là **1.132.425,27 m²**, bàn giao các khu đất về địa phương quản lý hoặc giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục sử dụng hoặc chuyển trả cho hộ gia đình, cá nhân với diện tích **115.153,1 m²**.

Bảng 16: Danh sách các lô đất Công ty đang quản lý và sử dụng

Stt	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Thời gian sử dụng
1	Trụ sở chính văn phòng 1 công ty	Số 11, Ngõ Văn Trị, P. Phú Lợi, TP. TDM	8.284,00	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng Trụ sở chính công ty	05/06/1989 Thời gian sử dụng lâu dài
2	Văn phòng 2 công ty	Số 7, Ngõ Văn Trị, P. Phú Lợi, TP. TDM	1.515,10	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng văn phòng làm việc	07/09/2004 (49 năm)
3	Văn phòng 2 mở rộng công ty	Số 7, Ngõ Văn Trị, P. Phú Lợi, TP. TDM	625,70	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC), hành lang lộ giới	19/06/2009 (đến 19/6/2059)
4	Nhà máy nước Nam Thủ Dầu Một (ADB)	P. An Phú, TX. Thuận An	29.253,77	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng DA nhà máy nước Nam Thủ Dầu Một	07/06/2002 thời gian giao 49 năm kể từ 05/6/2002
5	Nhà máy nước Dĩ An mở rộng	P. An Phú, TX. Thuận An, P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên	86.193,80	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà máy nước Dĩ An; XD tuyến ống và HLBV sông	03/2/2004 (thời gian giao 49 năm kể từ 03/2/2004). Đất công thổ DT:3.321m2
6	Trạm bơm nước thô nhà máy nước Nam Thủ Dầu Một	P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	6.484,80	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà máy nước Nam Thủ Dầu Một	07/06/2002 (thời gian giao 49 năm kể từ 05/6/2002)
7	Nhà máy xử lý nước Tân Hiệp	P. Tân Hiệp, TX. Tân Uyên	67.134,00	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC), hành lang ATĐB	04/6/2010, thời hạn đến 07/01/2058
8	Trạm bơm Tân Hiệp giai đoạn 2	P. Tân Hiệp, TX. Tân Uyên	13.152,00	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất cơ sở SXKD (SKC); đất hành lang an toàn đường bộ	22/10/2010 thời hạn đến 12/12/2057
9	Nhà máy nước Tân Hiệp (Trạm Bơm nước thô)	P. Uyên Hưng, TX. Tân Uyên	15.612,00	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất thủy lợi không kinh doanh (TL1), hành lang bảo vệ sông, HLLG	28/07/2008 thời hạn đến 28/7/2056
10	Trạm bơm đôi 29	P. Mỹ Phước,	660,90	Nhà nước cho thuê đất	Đất thủy lợi (TL1) trạm bơm	04/7/2014 đến 21/4/2064

		TX.Bến Cát, tỉnh Bình Dương		trả tiền một lần	đôi 29	
11	Nhà máy nước Thị xã Thủ Dầu Một	P. Chánh Mỹ, TP.TDM	9.847,90	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (9.770,6), hành lang ATĐB (77,3)	9/11/2011 đến 15/10/2043
12	Trạm bơm nước thô – nhà máy nước thị xã Thủ Dầu Một	P. Chánh Mỹ, TP.TDM	2.472,00	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trạm bơm và làm đường cấp phối	27/07/1991- thời gian sử dụng lâu dài
13	Trạm bơm Chợ Đình	P. Phú Lợi, TP. TDM	92,30	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	XD trạm bơm	thời gian sử dụng đất lâu dài
14	Trạm bơm Ngã 3 Nam Sanh	P. Phú Lợi, TP. TDM	205,80	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	XD trạm bơm	thời gian sử dụng đất lâu dài
15	Trạm bơm Phú Thuận	P. Phú Lợi, TP. TDM	223,60	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	XD trạm bơm	thời gian sử dụng đất lâu dài
16	Trạm bơm Bến Bắc	P. Phú Cường, TP.TDM	54,70	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất thủy lợi	50 năm kể từ ngày 15/10/1993
17	Trạm bơm Sò Công An	P. Phú Cường, TP.TDM	50,50	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất thủy lợi	50 năm kể từ ngày 15/10/1993
18	Trạm bơm Gò Đậu 2	P. Chánh Nghĩa, TP.TDM	315,20	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	XD trạm bơm	thời gian sử dụng đất lâu dài
19	Trạm bơm số 12 đường BS Yersin	Hiệp Thành, TDM	67,70	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	XD trạm bơm	thời gian sử dụng đất lâu dài
20	Trạm bơm Cầu Ông Đảnh	Hiệp Thành, TDM	76,20	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	XD trạm bơm	thời gian sử dụng đất lâu dài
21	Trạm bơm Kiểm lâm	P. Phú Lợi, TP. TDM	81,80	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất thủy lợi	07/2/2006 đến 07/2/2056

22	Nhà máy nước Uyên Hưng	P. Uyên Hưng, TX. Tân Uyên	5.799,00	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (5260), hành lang ATD9B (539)	09/11/2011 đến 14/7/2053
23	Nhà máy nước Uyên Hưng trạm bơm nước thô	P. Uyên Hưng, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	534,30	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất Thủy Lợi (ĐTL) – Nhà máy nước Uyên Hưng	04/7/2014 đến 21/4/2064
24	Hệ thống cấp nước tập trung xã Tân Thành	Xã Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	492,00	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất thủy lợi	11/03/2004
25	Hệ thống cấp nước Tân P. Khánh, Tân Uyên, B. Dương	P. Tân Phước Khánh, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	1.482,00	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất thủy lợi – Trạm Bơm nước Tân Phước Khánh	10/12/2014 đến 19/8/2064
26	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn Hội Nghĩa	Xã Hội Nghĩa, TX. Tân Uyên, BD	1.733,20	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất thủy lợi	01/04/2015 đến 24/11/2064
27	Nhà máy nước Dầu Tiếng	Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng	3.505,00	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất thủy lợi	25/11/2011 đến 06/01/2053
28	Trạm bơm nước thô nhà máy nước Phước Vĩnh (GD 2)	Xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, BD	2.911,00	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất thủy lợi không kinh doanh (TLO); HLBV súi	05/04/2007, thời hạn sử dụng lâu dài
29	Trạm bơm nước thô nhà máy nước Phước Vĩnh	Thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo	2.226,00	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất thủy lợi không kinh doanh (TLO); HLBV súi	05/04/2007, thời hạn sử dụng lâu dài
30	Trạm bơm nước thô nhà máy nước Phước Vĩnh (GD 1)	Thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo	5.478,00	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất thủy lợi không kinh doanh (TLO); HLBV súi	05/04/2007, thời hạn sử dụng lâu dài
31	Nhà máy nước xử lý nước thải	P. Phú Thọ, TP. TDM	109.820,20	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất thủy lợi	23/04/2012 đến 23/4/2062

32	Khu liên hợp Xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương	P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát	751.931,80	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất bãi thải, xử lý chất thải, RAC, hành lang lộ giới	Thời hạn 49 năm kể từ 21/06/2006
33	Nhà quản lý thủy lợi (thuộc 1 phần GCNQSDĐ số BA 179613 ngày 29/12/2010)	P. Bình Hòa, TX. Thuận An	146,00	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng các trạm bơm và giếng nâng nước thải	29/12/2010 đến 14/7/2060
34	Đất thủy lợi – Xã An tây – Bến Cát	Xã An tây, TX. Bến Cát	3.963,00	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Đất thủy lợi có kinh doanh (TL1), hành lang lộ giới	27/5/2009 đến 25/12/2056
Tổng cộng			1.132.425,27			

Nguồn: CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 17: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017 ^(*)		Năm 2018 ^(**)	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với 2016	Kế hoạch	% tăng giảm so với 2016
1	Vốn điều lệ (triệu đồng)	1.500.000	1.500.000	0,0%	1.500.000	0,0%
2	Tổng doanh thu (triệu đồng)	1.371.980	1.509.178	10,0%	1.440.419	-4,6%
3	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	240.835	264.919	10,0%	92.065	-65,2%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Tổng doanh thu (%)	17,56	17,6%	-62,7%	6,6%	
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ (%)	16,1	17,7%	-63,6%	5,9%	

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017 ^(*)		Năm 2018 ^(**)	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với 2016	Kế hoạch	% tăng giảm so với 2016
6	Cổ tức	–	5%	N/A	3,50%	

Nguồn: CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

Ghi chú:

- (*): Kế hoạch năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua tại Nghị quyết ĐHCĐ số 14/NQ-ĐHCĐ2017-HĐQT ngày 24/05/2017;
- (**): Kế hoạch năm 2018 căn cứ theo phương án cổ phần hóa năm 2016. Kế hoạch năm 2018 có thể được điều chỉnh theo thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông.

❖ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên**

Để hoàn thành kế hoạch năm 2017, phấn đấu tăng năng suất lao động năm sau cao hơn năm trước, ngày càng làm hài lòng khách hàng nhiều hơn, nỗ lực thực hiện hoàn thành một số chỉ tiêu kế hoạch công ty đặt ra, cụ thể phấn đấu đạt được một số chỉ tiêu như sau:

- Nước thương phẩm: tăng 10% so với thực hiện năm 2016 (khoảng 109.000.000m³)
- Rác các loại tiếp nhận và xử lý: tăng 10% so với thực hiện năm 2016 (khoảng 680.100 tấn).
- Thu gom, xử lý nước thải: 12.000 m³/ngày.
- Khách hàng: tăng đạt 34.000 đầu nối.
- Thất thoát giảm toàn công ty: Dưới 10%/năm.
- Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các công trình trọng điểm. Sửa chữa, tu bổ, mua sắm thiết bị để bảo đảm kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, để đạt được những mục tiêu và thực hiện được chiến lược nêu trên, Công ty sẽ tiến hành các biện pháp sau:

- Biện pháp quản lý sản xuất:
 - ✓ Quản lý vận hành tốt các nhà máy: Duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy, thiết bị; quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào.
 - ✓ Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo Luật tài nguyên nước.
 - ✓ Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế.
- Biện pháp quản lý khách hàng, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước:
 - ✓ Đầu tư, mở rộng mạng cấp nước về khu vực chưa có nước.
 - ✓ Thực hiện tốt các dịch vụ, chăm sóc khách hàng; tính toán giá nước hợp lý.
 - ✓ Cải tiến công tác ghi thu tiền nước, giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất.
- Biện pháp tiết kiệm chi phí thông qua việc chống thất thoát nước: Công ty sẽ tích cực thực hiện công tác chống thất thoát nước bằng các biện pháp cụ thể như:
 - ✓ Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước

- ✓ Đầu tư các phần mềm quản lý chạy trên nền công nghệ GIS để quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, quản lý khách hàng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng.
 - ✓ Các phòng ban trong Công ty phối hợp với các đơn vị sản xuất tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, tìm ra các phương án phù hợp với hiện trạng cấp nước từng khu vực đang quản lý để giảm tỷ lệ thất thoát nước.
 - ✓ Xây dựng kế hoạch cải tạo mạng lưới cấp nước hàng năm.
 - ✓ Xây dựng chương trình phối hợp cộng đồng trong việc chống thất thoát nước.
 - ✓ Tăng cường trách nhiệm đối với công tác trực sửa chữa, đảm bảo phát hiện, sửa chữa nhanh chóng, kịp thời.
- Tiết kiệm chi phí điện năng:
 - ✓ Vận hành máy bơm nước và các thiết bị xử lý nước vào giờ thấp điểm có giá điện thấp để dự trữ nước tại các bể chứa, sau đó bơm ra mạng lưới vào giờ cao điểm từ bể chứa hạn chế vận hành trạm bơm cấp 1 vào giờ cao điểm trừ trường hợp thiếu áp phải bơm tăng cường nhằm hạn chế sản lượng điện vào giờ cao điểm có giá điện cao.
 - ✓ Thay thế các máy bơm và các thiết bị điện trong các nhà máy nước có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện lớn bằng máy bơm hao tổn ít điện năng nhằm giảm chi phí tiền điện.
 - ✓ Phát động phong trào sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giảm chi phí điện, tiết kiệm điện năng.
 - Các biện pháp tiết kiệm chi phí khác:
 - ✓ Chống lãng phí về thời gian lao động: định mức, định biên lại các công việc tại các đơn vị, xí nghiệp để giảm chi phí và tăng thu nhập.
 - ✓ Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ sung đủ nhân lực theo định hướng sử dụng lao động thời vụ, tiến hành sắp xếp cải tiến công việc, định mức lại công việc và thực hiện khoán quỹ lương cho các Ban, Đội.
 - ✓ Xây dựng Quy chế về chi tiêu nội bộ, mua sắm trang thiết bị, đầu tư, xây dựng đối với các công trình do Công ty đầu tư.
- **Giải pháp về tài chính**
- Tập trung tích lũy vốn để có một tiềm lực tài chính mạnh để thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch của các thị xã, huyện trên địa bàn tỉnh.
 - Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, tối đa hóa công suất các công trình đầu tư.
- **Giải pháp về nguồn nhân lực**
- Đánh giá năng lực cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và nhân viên, để tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng gọn nhẹ, nhằm đảm bảo có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, kỹ sư và chuyên viên giỏi để có đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty đạt hiệu quả cao.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá, Công ty thực hiện công tác điều động, luân chuyển người lao động, cán bộ quản lý để phù hợp với trình độ và tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân.
- Hàng năm, thực hiện công tác đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động và cán bộ quản lý. Công tác đào tạo được thực hiện theo kế hoạch thường xuyên hàng năm, từ việc đào tạo về ngoại ngữ, nghiệp vụ chuyên môn....
- Để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài, Công ty xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ, công nhân viên và có quan tâm nhiều hơn đến các CB.CNV có năng lực. Đồng thời tạo cơ chế linh hoạt làm động lực cho CB.CNV rèn luyện phấn đấu vươn lên để trở thành những cán bộ chủ chốt của Công ty.
- Lấy người lao động là yếu tố quan trọng trong sự phát triển của Công ty, luôn đề cao việc đào tạo, bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên giỏi, có kinh nghiệm ở một số vị trí quan trọng.

➤ Giải pháp về thị trường

Quảng bá thương hiệu và chất lượng sản phẩm, dịch vụ ngành nước, tiếp tục duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng máy móc, thiết bị, đường ống đảm bảo cung cấp nước sạch đạt chất lượng, để khẳng định uy tín thương hiệu, đáp ứng nhu cầu đa dạng các đối tượng khách.

➤ Giải pháp về công nghệ

Ứng dụng công nghệ thông tin làm nền tảng cho hệ thống quản lý, áp dụng phần mềm vào công tác quản lý nhân sự, quản lý công văn chứng từ, quản lý dự án, quản lý kế hoạch, sản xuất, quản lý tài chính,....

➤ Một số giải pháp khác

- Tập trung mọi nỗ lực thực hiện việc tiếp nhận và mở rộng các dự án cấp nước sạch ở các dự án thuộc các huyện và khai thác quản lý hiệu quả, đầu tư các dự án mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh, khai thác sử dụng hợp lý nguồn nhân lực, từng bước quản lý điều hành theo cơ chế mới của công ty cổ phần.
- Quản lý chặt chẽ về nguồn vốn, chi phí, tài sản, công cụ, hàng hoá, nguyên vật liệu. Đồng thời tăng cường công tác quảng bá về các dịch vụ lấy phương châm “uy tín – chất lượng và hiệu quả”.
- Thực hiện các qui định về lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách, chế độ quy định khác theo luật định.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của Biwase. Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 do Công ty lập, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ 3 tháng đầu năm 2017 đã đạt hơn 341,6 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 59,3 tỷ đồng, tương ứng đạt 25,6 % kế hoạch doanh thu và 67,6 % kế hoạch lợi nhuận của cả năm 2017. Dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh, năng lực, vị thế của Biwase và triển vọng phát triển của ngành, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy rằng kế hoạch kinh

doanh năm 2017 và 2018 của Công ty có tính khả thi nếu không có những biến động lớn hoặc những ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh xin lưu ý rằng những ý kiến, đánh giá trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc, mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn tuyệt đối của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính chất tham khảo và nhà đầu tư sẽ tự mình đưa ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán niêm yết:

150.000.000 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật của Công ty là 55.520.589 cổ phiếu.

Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012, cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng Chứng khoán sở hữu (cp)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)	Lý do hạn chế chuyển nhượng	Thời gian hạn chế chuyển nhượng
1	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (TDM)	Cổ đông lớn là người có liên quan (Ông Nguyễn Văn Trí – TV HĐQT Biwase là Chủ tịch HĐQT của TDM)	52.500.000	35%	Cổ đông chiến lược mua cổ phần theo quy định tại NĐ 59/2011/NĐ-CP. Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP (tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị)	Hạn chế chuyển nhượng theo NĐ 59/2011/NĐ-CP hạn chế từ 01/10/2016 Đến 01/10/2021; Hạn chế chuyển nhượng theo cam kết nắm giữ CK theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP.
2	Nguyễn Văn Thiên	Chủ tịch HĐQT	107.500 (Trong đó, bao gồm cổ phần mua theo cam kết là 1.500cp)	0,072%	Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP và NĐ 59/2011/NĐ-CP.	Hạn chế chuyển nhượng theo cam kết nắm giữ CK theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP; 1.500 cp mua theo cam kết hạn chế chuyển nhượng Từ 01/10/2016 Đến 01/10/2019
3	Trần Chiến Công	Thành viên HĐQT kiêm Tổng	215.989 (Trong đó, bao gồm	0,144%	Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP và NĐ 59/2011/NĐ-CP.	Hạn chế chuyển nhượng theo cam kết nắm giữ CK theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP;

		Giám đốc	cổ phần mua theo cam kết là 5.000cp)			5.000 cp mua theo cam kết hạn chế chuyển nhượng Từ 01/10/2016 Đến 01/10/2026
4	Dương Hoàng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	21.100 (Trong đó, bao gồm cổ phần mua theo cam kết là 4.500cp)	0,014%	Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP và NĐ 59/2011/NĐ-CP.	Hạn chế chuyển nhượng theo cam kết năm giữ CK theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP; 4.500 cp mua theo cam kết hạn chế chuyển nhượng Từ 01/10/2016 Đến 01/10/2025
5	Lê Văn Gòn	Phó Tổng Giám đốc	44.800 (Trong đó, bao gồm cổ phần mua theo cam kết là 1.500cp)	0,030%	Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP và NĐ 59/2011/NĐ-CP.	Hạn chế chuyển nhượng theo cam kết năm giữ CK theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP; 1.500 cp mua theo cam kết hạn chế chuyển nhượng Từ 01/10/2016 Đến 01/10/2019
6	Nguyễn Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc	11.500 (Trong đó, bao gồm cổ phần mua theo cam kết là 5.000cp)	0,008%	Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP và NĐ 59/2011/NĐ-CP.	Hạn chế chuyển nhượng theo cam kết năm giữ CK theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP; 5.000 cp mua theo cam kết hạn chế chuyển nhượng Từ 01/10/2016 Đến 01/10/2026
7	Ngô Văn Lui	Phó Tổng Giám đốc	7.700 (Trong đó, bao gồm cổ phần mua theo cam kết là 5.000cp)	0,005%	Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP và NĐ 59/2011/NĐ-CP.	Hạn chế chuyển nhượng theo cam kết năm giữ CK theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP; 5.000 cp mua theo cam kết hạn chế chuyển nhượng Từ 01/10/2016 Đến 01/10/2026
8	Trần Tấn Đức	Kế toán trưởng	13.600 (Trong đó, bao gồm cổ phần mua theo cam kết là 5.000cp)	0,009%	Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP và NĐ 59/2011/NĐ-CP.	Hạn chế chuyển nhượng theo cam kết năm giữ CK theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP; 5.000 cp mua theo cam kết hạn chế chuyển nhượng Từ 01/10/2016 Đến 01/10/2026
9	Nguyễn Thị Diên	Trưởng phòng Tài chính kế toán	11.200 (Trong đó, bao gồm cổ phần mua theo cam kết là 2.000cp)	0,007%	Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP và NĐ 59/2011/NĐ-CP.	Hạn chế chuyển nhượng theo cam kết năm giữ CK theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP; 2.000 cp mua theo cam kết hạn chế chuyển nhượng Từ 01/10/2016 Đến 01/10/2020
10	Dương Anh Thư	Trưởng Ban Kiểm soát	11.700 (Trong đó, bao gồm cổ phần mua theo cam kết là 5.000cp)	0,008%	Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP và NĐ 59/2011/NĐ-CP.	Hạn chế chuyển nhượng theo cam kết năm giữ CK theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP; 5.000 cp mua theo cam kết hạn chế chuyển nhượng Từ 01/10/2016 Đến 01/10/2026
11	Trần Thị Kim Oanh	Thành viên Ban Kiểm soát	6.100 (Trong đó, bao gồm cổ phần mua theo	0,004%	Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP và NĐ 59/2011/NĐ-CP.	Hạn chế chuyển nhượng theo cam kết năm giữ CK theo quy định tại NĐ 58/2012/NĐ-CP; 5.000 cp mua theo cam kết hạn chế chuyển nhượng Từ

		cam kết là 5.000cp)			01/10/2016 Đến 01/10/2026
Tổng cộng		52.951.189	35,301%		

Căn cứ Điểm c Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011: Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

CTCP Nước Thủ Dầu Một là cổ đông chiến lược nên không được chuyển nhượng cổ phần trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày 01/10/2016.

Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011: Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp theo thời gian cam kết làm việc tại công ty cổ phần sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết làm việc. Trường hợp công ty cổ phần thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ Luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

Tính đến thời điểm niêm yết, tổng số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp theo thời gian cam kết làm việc tại Biwase là 2.607.100 cổ phần (tương ứng chiếm 1,738% vốn điều lệ của Biwase)

5. Phương pháp tính giá

5.1 Giá theo phương pháp giá trị sổ sách

Giá trị cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương theo giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2016 được tính như sau:

$$\text{Giá tr 1 c phiếu} = \frac{\text{Vn ch s hu ti thi đim 31/12/2016}}{\text{S lng c phiếu lu hành ti thi đim 31/12/2016}}$$

$$= \frac{2.860.695.248.539}{150.000.000} = 19.071 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

5.2 Giá theo phương pháp so sánh

Hiện tại cổ phiếu của Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương vẫn chưa được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán. Do đó không thể thống kê giá giao dịch thị trường của cổ phiếu Biwase.

Để đưa giá mức giá hợp lý cho cổ phiếu Biwase, Công ty áp dụng phương pháp so sánh tương đối các chỉ tiêu tài chính P/E, P/B của một số công ty hoạt động cùng ngành ở trong nước.

Cơ sở để lựa chọn công ty làm so sánh như sau:

- Cùng ngành nghề hoạt động là ngành cấp nước, thu gom, xử lý nước thải, rác thải hoặc các công ty trong ngành liên quan đến các dịch vụ công ích.
- Đang niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên UpCOM.
- Có đủ dữ liệu so sánh.
- Có thanh khoản trên thị trường.

Những hạn chế đối với phương pháp so sánh: Phương pháp này chưa tính đến các yếu tố khác như tính thanh khoản, tên tuổi, thương hiệu... Thị trường chứng khoán biến động thất thường có thể ảnh hưởng tới kết quả định giá. Do đó các số liệu đưa ra trong phương pháp này mặc dù đã có sự lựa chọn hết sức cẩn trọng, nhưng không tránh khỏi sự khập khiễng về quy mô vốn, tài sản... Vì vậy, việc định giá bằng phương pháp so sánh chỉ mang tính tương đối để dùng tham khảo.

ết quả mô hình định giá theo phương pháp so sánh tương đối

Tên Công ty	Mã CK	Vốn điều lệ (triệu VND)	DTT 2016 (triệu VND)	ROE	ROA	P/E	P/B
IWASE	BWE	1.500.000	1.370.159	9,0%	3,0%	N/A	N/A
ông ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	BTW	93.600	434.754	7,5%	5,3%	18,2	1,1
ông ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	CLW	130.000	976.822	6,8%	3,1%	26,1	1,4
ông ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai	DNW	1.000.000	895.735	4,6%	2,2%	24,0	1,0
ông ty cổ phần Cấp nước Gia Định	GDW	95.000	450.586	9,3%	6,0%	11,0	1,0
ông ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận	NNT	86.914	125.023	19,3%	5,8%	7,8	1,2
ông ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	NTW	75.000	131.293	10,7%	9,4%	13,4	1,4
ông ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre	BTU	36.000	55.697	13,5%	10,4%	5,1	0,6
ông ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	SZE	300.000	389.650	12,9%	9,7%	6,7	0,7
Trung Bình						14,0	1,0
Trung vị						12,2	1,1

'S năm 2016 của BIWASE (đồng) 1.606

á trị số sách một cổ phiếu của BIWASE thời điểm /12/2016 (đồng) 19.071

á trị hợp lý của cổ phiếu theo P/E (VND) 19.593

á trị hợp lý của cổ phiếu theo P/B (VND) 21.052

uồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của các Công ty; Giá thị trường của cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng hợp theo phương pháp so sánh

Phương pháp	Gia hợp lí một cổ phiếu (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị
Phương pháp P/E	19.593	0,5	9.797
Phương pháp P/B	21.052	0,5	10.526
Tổng cộng			20.322

Như vậy, giá trị hợp lí của một cổ phiếu Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương theo các phương pháp định giá là **20.322** đồng/cổ phần.

5.3 Giá cổ phiếu theo giá đấu thành công khi chào bán lần đầu ra công chúng để cổ phần hóa

Ngày 10/08/2016, Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương thực hiện bán đấu giá lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh số lượng 17.634.200 cổ phiếu, với giá khởi điểm là 10.200 đồng/cổ phiếu.

Kết quả bán đấu giá như sau:

- Giá trúng cao nhất: 17.600 đồng/cổ phiếu
- Giá trúng thấp nhất: 13.300 đồng/cổ phiếu
- Giá trúng bình quân: 14.277 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phần trúng đấu giá: 17.634.200 đồng/cổ phiếu

Giá trúng đấu giá bình quân của đợt bán đấu giá lần đầu ra công chúng là một trong những cơ sở xác lập giá thị trường mà nhà đầu tư đánh giá cho cổ phiếu BWE. Mặt khác, cân nhắc mức độ an toàn cho tính thanh khoản của cổ phiếu, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Hội đồng quản trị Công ty quyết định là 14.300 đồng/cổ phiếu.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Điều lệ của Công ty thì nhà đầu tư nước ngoài có quyền chuyển nhượng cổ phần Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp cổ phiếu Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch chứng khoán, việc chuyển nhượng sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch chứng khoán có liên quan.

Căn cứ theo Khoản 2, Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, các tổ chức, cá nhân nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty hoặc một tỷ lệ quy định theo điều ước quốc tế hoặc pháp luật chuyên ngành. Tỷ lệ sở hữu ngoài của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương tối đa là 49%.

Tính đến thời điểm niêm yết cổ phiếu, Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương không có cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1 Thuế đối với Công ty

Căn cứ Điều 10 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 về hướng dẫn Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt áp dụng thuế suất 5%, ngoại trừ các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác thuộc đối tượng áp dụng mức thuế suất 10%.

Căn cứ nghị Định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/05/2008 của Chính Phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường; Điểm a Khoản 3 Điều 19 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính về thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời hạn hoạt động áp dụng phần thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường, giám định tư pháp.

7.2 Thuế áp dụng với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ cổ tức:
 - Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%; và
 - Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khinhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu: 0,1% (không phải một phần trăm) tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

7.3 Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất như sau:

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

trong đó:

- Thu nhập tính thuế: bằng Tổng giá trị cổ phiếu bán ra trong kỳ - Tổng giá mua cổ phiếu được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán cổ phiếu; và
- Thuế suất: bằng 20% (hai mươi phần trăm)

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

trong đó:

- Thu nhập tính thuế: bằng tổng doanh thu bán Cổ Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng; và
- Thuế suất: bằng 0,1% (không phải một phần trăm).

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP.HCM (VCBS)

Địa chỉ: Lầu 1 và Lầu 7, tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3820 0751 Fax: (028) 3820 0771

Website: www.vCBS.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3824 1990 Fax: (024) 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn

VII. PHỤ LỤC**1. Phụ lục I:**

Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

2. Phụ lục II:

Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết

3. Phụ lục III:

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương;
- Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ kế toán 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương;
- Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ kế toán 01/10/2016 – 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương;
- Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 do Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương tự lập.

1-0
RUC
JON
T-T

BẢN CÁO BẠCH

CTCP NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Bình Dương, ngày 03 tháng 07 năm 2017

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**



NGUYỄN VĂN THIÊN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TRẦN CHIẾN CÔNG
Tổng Giám đốc

DƯƠNG ANH THƯ
Trưởng Ban kiểm soát

TRẦN TẤN ĐỨC
Kế toán trưởng

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**



TỔNG MINH TUẤN

Giám đốc

